

***LỊCH SỬ GIÁO HỘI VN
TRONG LÒNG DÂN TỘC***

Lưu hành nội bộ.

Gb. Nguyễn Thái Hùng

**LỊCH SỬ GIÁO HỘI VN
TRONG LÒNG DÂN TỘC**
Bản Tóm Tắt

2018

**NĂM THÁNH
TÔN VINH CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VN 2018**

TÒA GIÁM MỤC BAN MÊ THUỘT

LỜI GIỚI THIỆU

Kính thưa độc giả,

Ông Gb. Nguyễn Thái Hùng, là một nhà nghiên cứu và thành viên của ban Soạn thảo của Ban Giáo lý Giáo phận, và thân quen với nhiều người trên trang Web.

Nay nhân dịp NĂM THÁNH TÔN VINH CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM, ông đã hoàn thành tác phẩm nhỏ, có tính cách nghiên cứu lịch sử: “LỊCH SỬ GIÁO HỘI VIỆT NAM TRONG LÒNG DÂN TỘC”.

Ông cho chúng ta một cái nhìn đối chiếu sự kiện trong dòng lịch sử Giáo hội Công Giáo và dân tộc Việt Nam, nhất là thời Các Thánh Tử Đạo.

Lịch sử là một “Ông Thầy” giúp chúng ta nghe tiếng Chúa, để phân định cho chính xác và khôn ngoan hơn cho việc Loan báo Tin Mừng trong xã hội hôm nay - Nghìn Năm Thứ ba.

Xin chân thành cảm ơn tác giả; và mến chúc độc giả có được niềm vui khi đọc tác phẩm này.

Ban Mê Thuột, ngày 21/10/2018



Lm Steph. Nguyễn Văn Đâu

Phần I

NIÊN BIỂU LỊCH SỬ VN

Thời sơ sử

2.879 TCN	Vua Hùng thành lập quốc gia Văn Lang.
258 TCN	An Dương Vương thôn tính Văn Lang, thành lập quốc gia Âu Lạc.

Thời Bắc thuộc

Thuộc Nam Việt

207 TCN	Triệu Đà thôn tính Âu Lạc, thành lập quốc gia Nam Việt.
---------	---

Thuộc Hán

111 TCN	Nhà Hán thôn tính Nam Việt.
40	Hai Bà Trưng, Trưng Trắc.

Thuộc Đông Ngô

229	Tôn Quyền xưng đế, lập nước Đông Ngô.
246 - 248	Bà Triệu.

Thuộc Tấn

280	Nhà Tấn thôn tính Đông Ngô.
-----	-----------------------------

Thuộc Lưu Tống

420	Lưu Dụ thành lập nhà Lưu Tống.
-----	--------------------------------

Thuộc Nam Tề

479	Tiêu Đạo Thành thành lập nhà Nam Tề.
-----	--------------------------------------

Thuộc Lương

502	Tiêu Diễn thành lập nhà Lương.
544	Lý Bí thành lập quốc gia Vạn Xuân.

Thuộc Tùy

602	Nhà Tùy thôn tính Vạn Xuân.
-----	-----------------------------

Thuộc Đường

618	Tháng 3 Lý Uyên thành lập nhà Đường.
713 - 723	Mai Hắc Đế.

Thời phong kiến độc lập

Tự chủ

905	Khúc Thừa Dụ xây dựng chính quyền tự chủ.
-----	---

Nhà Ngô

939	Ngô Quyền xưng vương, kinh đô Cổ Loa.
944 - 968	12 sứ quân.

Nhà Đinh

968	Đinh Bộ Lĩnh xưng đế, thành lập quốc gia Đại Cồ Việt, kinh đô Hoa Lư.
970	Đinh Bộ Lĩnh cho đúc Thái Bình hưng bảo, đây là đồng tiền đầu tiên của Việt Nam.

Nhà Tiền Lê

980	Lê Hoàn lên ngôi vua, thành lập nhà Tiền Lê.
-----	--

Nhà Lý

1009	21 tháng 11 Lý Công Uẩn lên ngôi vua, thành lập nhà Lý, đổi tên nước thành Đại Việt.
1010	Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long.
1028	Lý Thái Tổ mất.
1069	Chiến tranh Việt - Chiêm.

Nhà Trần

1226	10 tháng 1 Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, thành lập nhà Trần.
1396	Phát hành Thông Bảo hội sao theo chủ trương của Hồ Quý Ly, đây là tiền giấy đầu tiên của Việt Nam.

Nhà Hồ

1400	Hồ Quý Ly lên ngôi, thành lập nhà Hồ, đổi tên nước thành Đại Ngu.
------	---

Thuộc Minh

1407	Nhà Minh thôn tính Đại Ngu, đặt làm quận Giao Chỉ.
1407	Trần Ngỗi xưng Giản Định đế, lập nên nhà Hậu Trần.
1413	Nhà Hậu Trần bị nhà Minh đánh bại.
1418-1427	Lam Sơn.

Nhà Lê sơ

1428	Lê Lợi thành lập quốc gia Đại Việt.
1483	Biên soạn Luật Hồng Đức.

Nhà Mạc

1527	Mạc Đăng Dung ép Lê Cung Hoàng nhường ngôi, lập nhà Mạc.
1533	Nguyễn Kim lập Lê Ninh làm vua, tái lập nhà Lê.

Nhà Lê trung hưng

1592	Nhà Lê Trung Hưng đánh bại nhà Mạc, lên nắm quyền điều hành đất nước.
1558	Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa.
1771	Tây Sơn.
1778	Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế, đặt niên hiệu Thái Đức, lập lên nhà Tây Sơn, đặt kinh đô tại Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương.

Nhà Tây Sơn

1788	Nguyễn Nhạc từ bỏ đế hiệu, chỉ xưng Tây Sơn vương. 22 tháng 12 Nguyễn Huệ xưng đế, đặt niên hiệu Quang Trung, đặt kinh đô tại Phú Xuân.
1792	Nguyễn Huệ qua đời, con trai Nguyễn Quang Toản lên ngôi.

Nhà Nguyễn

1802	Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn, lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long, lập lên nhà Nguyễn, đặt kinh đô tại Phú Xuân.
1804	Nguyễn Ánh đổi tên nước thành Việt Nam.
1836	Việt Nam thôn tính Chân Lạp, đặt làm Trấn Tây Thành.
1839	15 tháng 2 Minh Mạng đổi tên nước thành Đại Nam.
1841	Rút quân khỏi Trấn Tây Thành.
1858-1884	Chiến tranh Pháp - Đại Nam.
1867	Nhà Nguyễn cắt Nam Kỳ lục tỉnh nhượng cho Pháp.

Pháp thuộc

1884	Hòa ước Giáp Thân, triều đình nhà Nguyễn chấp nhận sự bảo hộ của Pháp.
1885-1895	Phong trào Cần Vương.
1887	Liên bang Đông Dương, gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và Campuchia.
1899	Lào vào Liên bang Đông Dương.
1906-1908	Phong trào Duy Tân.
1945	25 tháng 8 Bảo Đại thoái vị.

Tuyên ngôn Độc Lập.

https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD

LỊCH SỬ VN THỜI GIÁO HỘI BẮT ĐẦU

Nhà Hậu Lê do [Lê Thái Tổ](#) lập ra, được phân biệt với [nhà Tiền Lê \(980-1009\)](#) do [Lê Đại Hành](#) lập ra cuối [thế kỷ X](#). Nhà Hậu Lê gồm 2 giai đoạn:

* [Nhà Lê sơ \(1428-1527\)](#): kéo dài 100 năm, bắt đầu từ khi [khởi nghĩa Lam Sơn](#) thắng lợi, [Lê Lợi](#) gạt bỏ vua bù nhìn [Trần Cảnh](#), tự làm vua, lập ra triều đại mới và kết thúc khi quyền thần [Mac Đăng Dung](#) phế bỏ vua [Lê Cung Hoàng](#) lập ra [nhà Mạc](#).

* [Nhà Lê trung hưng \(1533-1789\)](#): kéo dài 256 năm, bắt đầu từ khi Thượng tướng quân [Nguyễn Kim](#) lập tông thất Lê Duy Ninh lên ngôi, tức [Lê Trang Tông](#) tại [Ai Lao](#) để khôi phục nhà Hậu Lê và kết thúc khi [Lê Chiêu Thống](#) chạy sang lưu vong tại [Trung Quốc](#) dưới thời [Thanh Cao Tông](#).

Các Hoàng đế nhà Lê sơ [1428](#) - [1527](#) (100 năm)

Miếu hiệu	Tên húy	Năm	Niên hiệu
Thái Tổ	Lê Lợi	1428-1433	Thuận Thiên
Thái Tông	Lê Nguyên Long	1433-1442	Thiệu Bình (1434-1439), Đại Bảo (1440-1442)
Nhân Tông	Lê Bang Cơ	1442-1459	Thái Hòa (1443-1453), Diên Ninh (1454-1459)
	Lê Nghi Dân	1459-1460	Thiên Hưng (1459-1460)
Thánh Tông	Lê Tư Thành (Lê Hạo)	1460-1497	Quang Thuận (1460-1469), Hong Đức (1470-1497)
Hiển Tông	Lê Sanh (Lê Tăng) (Lê Huy)	1497-1504	Cảnh Thống
Túc Tông	Lê Thuần	1504	Thái Trinh
	Lê Tuấn (Lê Huyền)	1505-1509	Thái Trinh, Đoan Khánh
	Lê Oanh	1510-1516	Hồng Thuận
	Lê Quang Tri	1516	
Chiêu Tông	Lê Y (Lê Huệ)	1516-1522	Quang Thiệu
	Lê Bang	1518-1519	Đại Đức
	Lê Do	1519	Thiên Hiến
	Lê Xuân (Lê Lự)	1522-1527	Thống Nguyên

Nhà Lê sơ tồn tại từ năm 1428 đến năm 1527, kéo dài đúng 100 năm, triều đại này bị gián đoạn bởi nhà Mạc do bình chương Mạc Đăng Dung cướp ngôi và tự lập mình làm Hoàng đế, sau 6 năm được tái lập với tên gọi nhà Lê trung hưng.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1

Các vua nhà Mạc

Nhà Mạc là [triều đại quân chủ](#), bắt đầu khi [Mac Đăng Dung](#), sau khi dẹp được các bè phái trong cung đình, đã ép vua [Lê Cung Hoàng nhà Hậu Lê](#) nhường ngôi tháng 6 năm [1527](#) và chấm dứt khi vua [Mạc Mậu Hợp](#) lập con trai là Mạc Toàn lên ngôi, bị quân đội Lê - Trịnh do [Trịnh Tùng](#) chỉ huy [đánh bại vào cuối năm 1592](#) - Sau đó Mạc Toàn lên ngôi nhưng tại vị chỉ được 2 tháng, tổng cộng thời gian tồn tại chính thức của triều đại là gần 66 năm.

Tuy nhiên, giai đoạn sau đó hậu duệ nhà Mạc như [Mac Kính Chỉ](#), [Mac Kính Cung](#), [Mac Kính Khoan](#), [Mac Kính Vũ](#) vẫn còn tiếp tục chống lại [nhà Hậu Lê](#) thời kỳ trung hưng đến tận năm [1677](#) tại khu vực [Cao Bằng](#).

Thời kỳ 1533-1592 còn được gọi là thời kỳ [Nam - Bắc triều](#), do chính quyền nhà Mạc chỉ thực sự có quyền lực từ địa phận [Ninh Bình](#) ngày nay trở ra, còn từ [Thanh Hóa](#) trở vào là [thế lực lấy danh nghĩa gây dựng lại nhà Lê](#) từ năm 1533.

Miếu hiệu	Niên hiệu	Tên	Sinh-Mất	Trị vì
Thái Tổ	Minh Đức	Mac Đăng Dung	1483?- 1541	1527-1529
Thái Tông	Đại Chính	Mac Đăng Doanh	?- 1540	1530-1540
Hiển Tông	Quảng Hòa	Mạc Phúc Hải	?- 1546	1541-1546
Tuyên Tông	Vĩnh Định (1547) Cảnh Lịch (1548-1553) Quang Bảo (1554-1561)	Mạc Phúc Nguyên	?- 1561	1547-1561
Mục Tông hoặc Anh Tổ	Thuần Phúc (1562-1566) Sùng Khang (1566- 578) Diên Thành (1578-1585) Đoan Thái (1586-1587) Hưng Trị (1588-1590) Hồng Ninh (1591-1592)	Mac Mậu Hợp	?- 1592	1562-1592
Cảnh Tông	Vũ An	Mac Toàn	?- 1592	1592-1592

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_M%E1%BA%A1c

Nhà Lê trung hưng

[1533-1789](#) là giai đoạn tiếp theo của [triều đại quân chủ nhà Hậu Lê](#) (tiếp nối [nhà Lê Sơ](#)), được thành lập sau khi [Lê Trang Tông](#) với sự phò tá của cựu thần nhà [Lê sơ](#) là [Nguyễn Kim](#) được đưa lên ngôi báu. Đây là triều đại dài nhất so với các triều đại trong lịch sử Việt Nam với 256 năm và đây cũng là thời kỳ lãnh thổ [Việt Nam](#) được mở rộng nhiều lần nhất.

Các vua nhà Lê trung hưng

Miếu hiệu	Tên húy	Năm	Niên hiệu
Trang Tông	Lê Duy Ninh	1533-1548	Nguyên Hoà
Trung Tông	Lê Duy Huyền	1548-1556	Thuận Bình
Anh Tông	Lê Duy Bang	1556-1573	Thiên Hựu (1557) Chính trị (1558-1571) Hồng Phúc (1572-1573)
Thế Tông	Lê Duy Đàm	1573-1599	Gia Thái (1573-1577) Quang Hưng (1578-1599)
Kính Tông	Lê Duy Tân	1599-1619	Thuận Đức (1600) Hoàng Định (1601-1619)
Thần Tông (lần 1)	Lê Duy Kỳ	1619-1643	Vĩnh Tộ (1620-1628) Đức Long (1629-1634) Dương Hoà (1634-1643)
Chân Tông	Lê Duy Hựu	1643-1649	Phúc Thái
Thần Tông (lần 2)	Lê Duy Kỳ	1649-1662	Khánh Đức (1649-1652) Thịnh Đức (1653-1657) Vĩnh Thọ (1658-1661) Vạn Khánh (1662)
Huyền Tông	Lê Duy Vũ	1663-1671	Cảnh Trị
Gia Tông	Lê Duy Cối (Lê Duy Khoái)	1672-1675	Dương Đức (1672-1673) Đức Nguyên (1674-1675)

Hy Tông	Lê Duy Cáp (Lê Duy Hiệp)	1675-1705	Vĩnh Trị (1678-1680) Chính Hoà (1680-1705)
Dụ Tông	Lê Duy Đường	1706-1729	Vĩnh Thịnh (1706-1719) Bảo Thái (1720-1729)
	Lê Duy Phường	1729-1732	Vĩnh Khánh
Thuần Tông	Lê Duy Tường	1732-1735	Long Đức
Ý Tông	Lê Duy Thận (Lê Duy Chấn)	1735-1740	Vĩnh Hựu
Hiển Tông	Lê Duy Diêu	1740-1786	Cảnh Hưng
Mẫn hoàng đế (Thụy hiệu)	Lê Duy Khiêm (Lê Duy Kỳ)	1786-1788	Chiêu Thống

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_trung_h%C6%B0ng

Danh sách mười một chúa Trịnh

Chúa Trịnh (1545-1787) là một vọng tộc phong kiến kiểm soát quyền lực [Đàng Ngoài](#) suốt thời [Lê Trung hưng](#), khi nhà vua tuy không có thực quyền vẫn được duy trì ngôi vị. Bộ máy triều đình lúc này hoạt động theo thể chế lưỡng đầu. Tổng cộng có 11 đời chúa Trịnh chính thức (nếu tính luôn cả Trịnh Kiểm là 12 đời chúa) cai quản xứ Đàng Ngoài trong hơn 2 thế kỷ.

Chúa	Ở ngôi	Đời vua	Miếu hiệu	Thụy hiệu	Ghi chú
Trịnh Kiểm	1545-1570 (25 năm).	Lê Trang Tông (1533-1548), Lê Trung Tông (1548-1556), Lê Anh Tông (1556-1573).	Thế Tổ	Minh Khang Thái vương.	Đương thời khi cầm quyền ông không xưng là chúa nhưng được đời sau truy tôn là Minh Khang Thái vương. Do đó ông không phải là vị chúa Trịnh đầu tiên.
Trịnh Cối	1570	Lê Anh Tông.	Không có	Không có	Năm 1570 , đầu hàng nhà Mạc , được Mạc Kính Diễn phong làm Trung Lương hầu. Sau khi chết được Lê đế xá tội, truy tặng Thái phó , tước Trung quốc công. Do đó, ông không được xem là chúa Trịnh đầu tiên.
Bình An vương Trịnh Tùng	1570- 1623 (53 năm).	Lê Anh Tông Lê Thế Tông (1573-1599), Lê Kính Tông (1599-1619), Lê Thần Tông (1619-1643).	Thành Tổ	Triết vương	Ông là vị chúa Trịnh đầu tiên trong lịch sử.
Thanh Đô vương Trịnh Tráng	1623- 1657 (34 năm).	Lê Chân Tông (1643-1649), Lê Thần Tông (lần 2: 1649-1662).	Văn Tổ	Nghị vương	Con thứ hai của Trịnh Tùng.
Tây Định vương Trịnh Tạc	1657-1682 (25 năm).	Lê Thần Tông, Lê Huyền Tông (1662-1671), Lê Gia Tông (1671-1675), Lê Hy Tông (1675-1705).	Hoàng Tổ	Dương vương	Con thứ hai của Trịnh Tráng.
Định Nam vương Trịnh Căn	1682- 1709 (27 năm).	Lê Hy Tông, Lê Du Tông (1705-1729).	Chiêu Tổ	Khang vương	Con trưởng của Trịnh Tạc.

An Đô vương Trịnh Cương	1709- 1729 (20 năm).	Lê Dụ Tông, Lê Đắc Duy Phường (1729-1732).	Hy Tổ	Nhân vương	Cháu chắt của Trịnh Căn, cháu nội của Lương Mục vương Trịnh Vĩnh , con trai của Tấn Quang vương Trịnh Bính .
Uy Nam vương Trịnh Giang	1729- 1740 (11 năm).	Lê Đắc Duy Phường, Lê Thuần Tông (1732-1735), Lê Ý Tông (1735-1740).	Dụ Tổ	Thuận vương	Con trưởng của Trịnh Cương, bị ép nhường ngôi và tôn lên làm Thái thượng vương năm 1740.
Minh Đô vương Trịnh Doanh	1740- 1767 (27 năm).	Lê Ý Tông, Lê Hiền Tông (1740-1786).	Nghị Tổ	Ân vương	Con thứ của Trịnh Cương, em trai Trịnh Giang.
Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm	1767- 1782 (15 năm).	Lê Hiền Tông.	Thánh Tổ	Thịnh vương	Con trưởng của Trịnh Doanh.
Điện Đô vương Trịnh Cán	9- 10/ 1782 (Một tháng.)	Lê Hiền Tông.			Bị phế làm Cung quốc công và mất sau loạn kiều binh 1782. Sau khi mất được ban thụy là Trung Cần.
Đoan Nam vương Trịnh Tông	10/1782- 1786 (4 năm).	Lê Hiền Tông.		Linh vương	Con trưởng của Trịnh Sâm.
Án Đô vương Trịnh Bồng	9/1786- 9/ 1787 (Một năm).	Lê Mẫn Đế .			Trốn mất tích sau 1787.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%BAA_Tr%E1%BB%8Bnh

Danh sách các đời chúa Nguyễn

[Nguyễn Kim](#) là người đặt nền móng cho các chúa Nguyễn sau này. Sinh thời ông không tự xưng danh chúa nhưng được con cháu chúa Nguyễn sau này tôn miếu hiệu Triệu Tổ và được phong thụy hiệu Huệ Triết Hiền Hựu Hoành Hưu Tế Thế Vĩ Tích Chiêu Huân Tĩnh vương như là chúa. Tuy nhiên ông không được xem là vị chúa Nguyễn đầu tiên

1. [Nguyễn Hoàng](#) tức **Chúa Tiên** hay **Tiên vương** (1525-1613), con út của Nguyễn Kim, xưng chúa năm 1558, có 10 con trai và hai con gái. Một người con gái lấy chúa [Trịnh Tráng](#). Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế*. Ông là vị chúa Nguyễn đầu tiên.

2. [Nguyễn Phúc Nguyên](#) tức **Chúa Sãi**, **Chúa Bụt** hay **Sãi vương** (1563-1635), con trai thứ sáu của chúa Tiên, kế nghiệp năm 1613 vì các anh đều chết sớm và một anh bị chúa Trịnh giữ tại [Đàng Ngoài](#), có 11 con trai và bốn con gái. Chúa Sãi là người đầu tiên trong dòng họ mang họ *Nguyễn Phúc*. Tương truyền lúc mẹ ngài có thai chiêm bao thấy có vị thần đưa cho một tờ giấy trên có đề chữ “Phúc”. Lúc kể lại chuyện, mọi người chúc mừng bà và đề nghị đưa bé ra đời được đặt tên là “Phúc”. Nhưng bà nói rằng, nếu chỉ đặt tên Phúc cho đứa bé thì chỉ một mình nó hưởng, để cho nhiều người trong dòng họ được hưởng phúc, bà đề nghị lấy chữ này làm chữ lót. Và khi thế tử ra đời bà đặt tên là Nguyễn Phúc Nguyên. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Hy Tông Hiếu Văn hoàng đế*.

3. [Nguyễn Phúc Lan](#) tức **Chúa Thượng** hay **Thượng vương** (1601-1648), con trai thứ hai của chúa Sãi, kế nghiệp năm 1635 vì anh trưởng chết sớm, có ba con trai và một con gái. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Thần Tông Hiếu Chiêu hoàng đế*.

4. [Nguyễn Phúc Tần](#) tức **Chúa Hiền** hay **Hiền vương** (1620-1687), con trai thứ hai của chúa Thượng, kế nghiệp năm 1648 vì cả anh lẫn em đều chết sớm, có sáu con trai và ba con gái. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế*.

5. [Nguyễn Phúc Thái](#) tức **Chúa Nghĩa** hay **Nghĩa vương** (1650-1691), con trai thứ hai của chúa Hiền, kế nghiệp năm 1687 vì anh trưởng chết sớm, có năm con trai và năm con gái. (Theo [Nguyễn Phúc tộc thế phả](#) thì chúa Nghĩa là Nguyễn Phúc Thái; còn Nguyễn Phúc Trăn không có, mà chỉ có Nguyễn Phúc Trăn, em kế của chúa tức Cương quận công.) Chúa Nghĩa là người dời đô đến [Huế](#). Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Anh Tông Hiếu Nghĩa hoàng đế*.

6. [Nguyễn Phúc Chu](#) ^[14] tức **Chúa Minh** hay **Minh vương** (còn gọi là **Quốc chúa**, **chữ Hán**: 國主) (1675-1725), con trai trưởng của chúa Nghĩa, kế nghiệp năm 1691, có 38 con trai và bốn con gái. Chúa Minh là người đầu tiên sai sứ sang [nhà Thanh](#) để xin phong vương nhưng không được nhận vì nhà Thanh vẫn xem vua Lê của Đàng Ngoài là vua của toàn xứ Việt lúc đó. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Hiển Tông Hiếu Minh hoàng đế*.

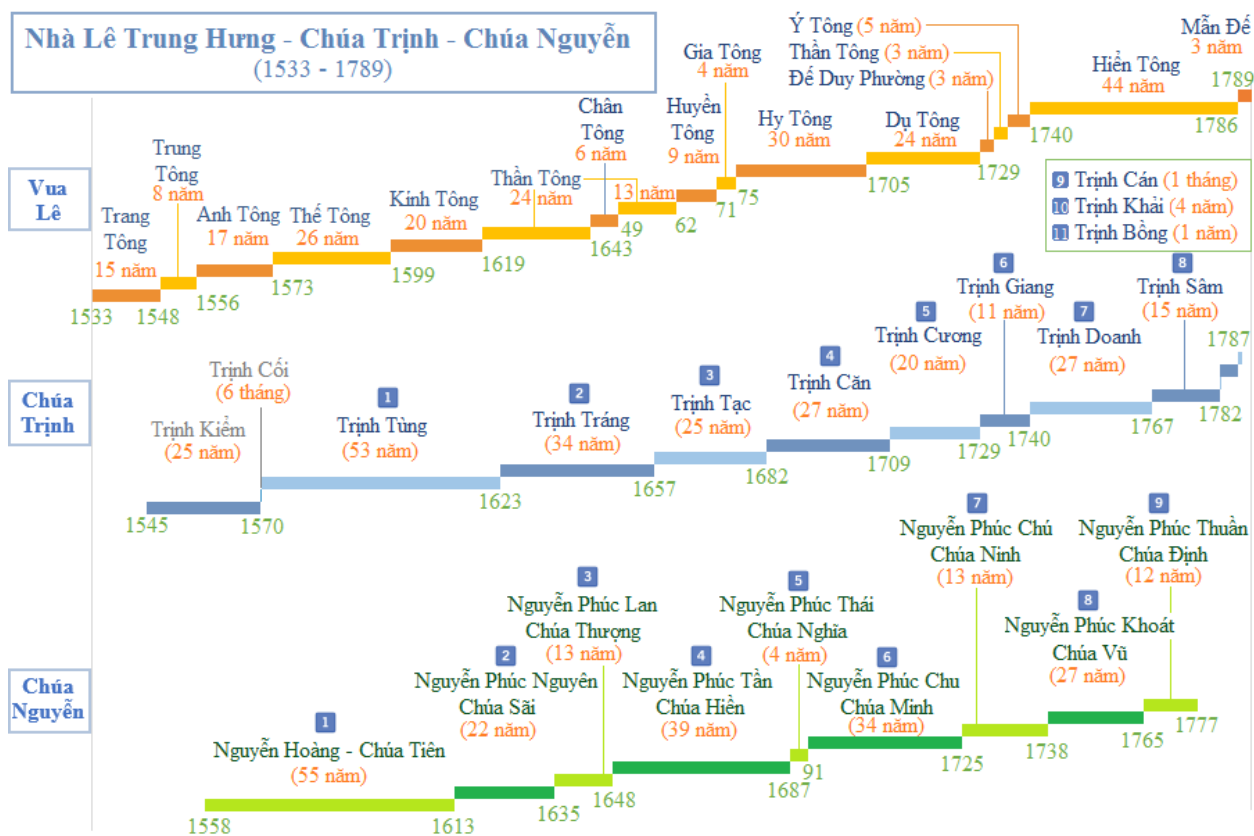
7. [Nguyễn Phúc Chú](#) ^[15] tức **Chúa Ninh** hay **Ninh vương** (1697-1738), con trai trưởng của chúa Minh, kế nghiệp năm 1725, có ba con trai và sáu con gái. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Túc Tông Hiếu Ninh hoàng đế*.

8. [Nguyễn Phúc Khoát](#) tức **Chúa Vũ** hay **Vũ vương** (1714-1765), con trai trưởng của chúa Ninh, kế nghiệp năm 1738, có 18 con trai và 12 con gái. Vì năm 1744 vào dịp tết Nguyên Đán có một cây sung nở hoa và một lời sấm '[Bát thế hoàn trung đô](#)' Đến lúc

này chúa Trịnh đã xưng vương nên Nguyễn Phúc Khoát cũng gọi mình là Vũ vương vào năm 1744 và xem Đàng Trong như một nước độc lập. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Thế Tông Hiếu Vũ hoàng đế*.

9. Nguyễn Phúc Thuận tức **Chúa Định** hay **Định vương (1754-1777)**, con trai thứ 16 của Vũ vương, kế nghiệp năm 1765, không có con. Khi còn sống, Vũ vương đã có ý định cho con trai thứ chín là Nguyễn Phúc Hiêu nối ngôi. Sau khi Nguyễn Phúc Hiêu chết, và con ông hãy còn quá nhỏ, Vũ vương định cho con trai thứ hai của mình là Nguyễn Phúc Luân (hay Nguyễn Phúc Côn, là cha của vua Gia Long sau này) nối ngôi. Khi Vũ vương chết, một vị quan lớn trong triều là Trương Phúc Loan giết Nguyễn Phúc Luân và lập Nguyễn Phúc Thuận để dễ kiểm chế lúc đó mới 12 tuổi, lên ngôi. Năm 1777, ông bị nhà Tây Sơn giết khi ở tuổi 26, chưa có con nối dõi. Nhà Nguyễn sau này truy tôn ông là *Duyệt Tông Hiếu Định hoàng đế*.

10. Nguyễn Phúc Dương tức **Tân Chính vương** được lên ngôi chúa sau khi Lý Tài ép Nguyễn Phúc Thuận nhường ngôi cho con của anh mình. Lúc ấy chúa Nguyễn chia làm 2 phe cùng nhau cai trị: Một bên là Nguyễn Phúc Thuận, Nguyễn Phúc Ánh (Gia Long) và một bên là Nguyễn Phúc Dương, Lý Tài. *Năm 1777 cả hai đều bị nhà Tây Sơn tiêu diệt, riêng Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát thân.*



https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%BAA_Nguy%E1%BB%85n

Danh sách các vua nhà Tây Sơn

Nhà Tây Sơn từ khi vua Thái Đức lên ngôi năm 1778 đến khi Cảnh Thịnh bị bắt năm 1802 được tất cả 24 năm, có 3 vua:

1. Thái Đức Hoàng Đế [Nguyễn Nhạc](#) (1778 - 1788). Từ năm 1788, ông nhường ngôi cho Nguyễn Huệ, còn mình xưng là Tây Sơn vương.
 2. Quang Trung Hoàng Đế [Nguyễn Huệ](#) (1788 - 1792). Mất đột ngột năm 1792, con là Quang Toản nối ngôi.
 3. Cảnh Thịnh Hoàng Đế [Nguyễn Quang Toản](#) (1792 - 1802)
- Nếu tính từ khi Nguyễn Nhạc khởi binh từ năm 1771 thì cộng tất cả là 31 năm.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n

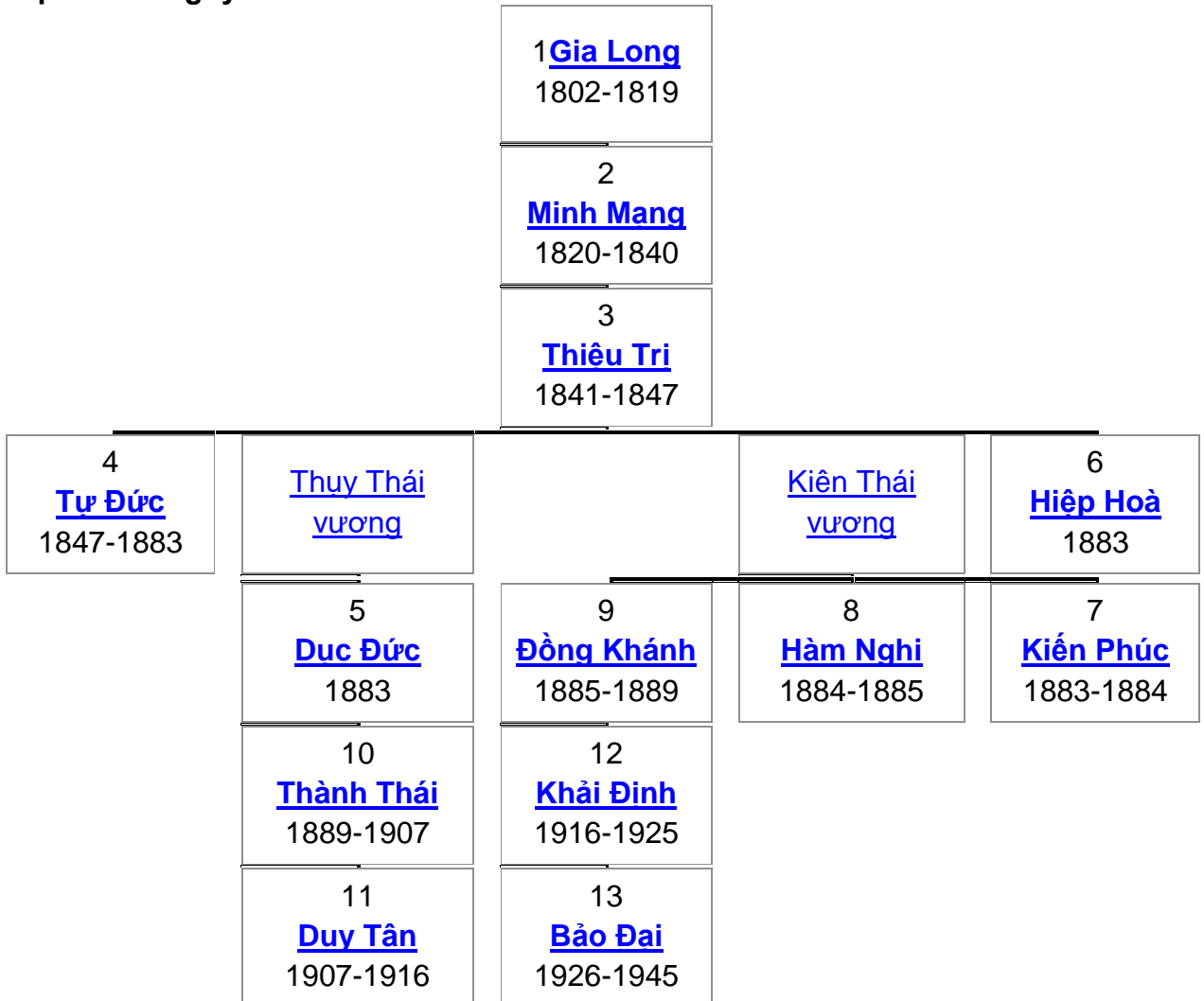
Các vua nhà Nguyễn

Trong 143 năm tồn tại kể từ khi thành lập năm 1802 đến khi sụp đổ 1945, nhà Nguyễn có 13 vị vua cai trị thuộc 7 thế hệ.

Miêu hiệu	Thụy hiệu	Tên húy	Thời gian sống	Niên hiệu Trị vì
Thế Tổ	Cao hoàng đế (Sáng lập)	Nguyễn Phúc Ánh.	1762-1820	Gia Long (1802-1820).
Thánh Tổ	Nhân hoàng đế	Nguyễn Phúc Đảm.	1791-1841	Minh Mạng (1820 - 1841).
Hiển Tổ	Chương hoàng đế	Nguyễn Phúc Miên Tông.	1807-1849	Thiệu Trị (1841 - 1847).
Dục Tông	Anh hoàng đế	Nguyễn Phúc Hồng Nhậm.	1829-1883	Tư Đức (1847-1883).
Cung Tông	Huệ hoàng đế	Nguyễn Phúc Ứng Chân.	1852-1883	Dục Đức (1883) (Dục Đức thực chất là tên nơi giam vua Cung Tông, không phải là niên hiệu của ông).
	Trang Cung Văn Lãng quận vương	Nguyễn Phúc Hồng Dật.	1847-1883	Hiệp Hòa (1883).
Giản Tông	Nghị hoàng đế	Nguyễn Phúc Ứng Đăng.	1869-1884	Kiến Phúc (1883-1884).
	Xuất Đế	Nguyễn Phúc Ứng Lịch.	1872-1943	Hàm Nghi (1884-1885).
Cảnh Tông	Thuần hoàng đế	Nguyễn Phúc Ứng Kỷ.	1864-1889	Đồng Khánh (1885-1889).

	Hoài Trạch công Phế Đế	Nguyễn Phúc Bửu Lân .	1879- 1954	Thành Thái (1889-1907).
	Phế Đế	Nguyễn Phúc Vĩnh San.	1900- 1945	Duy Tân (1907 - 1916).
Hoàng Tông	Tuyên hoàng đế	Nguyễn Phúc Bửu Đảo.	1885- 1925	Khải Định (1916 - 1925).
		Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy (<i>Hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn. Trước khi mất, ông đã được rửa tội</i>).	1913- 1997	Bảo Đại (1925 - 1945).

Thế phả nhà Nguyễn



https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_ho%C3%A0ng_%C4%91%E1%BA%BF_

Phần II:

LỊCH SỬ GIÁO HỘI VN TRONG LÒNG DÂN TỘC

	Giáo Hoàng	Sơ lược Lịch sử Giáo Hội hoàn vũ và Việt Nam	Triều Lê	Nhà Mạc	Chúa Trịnh	Chúa Nguyễn
	Đgh Clémentê VII Ý. 19.11.1523 - 25.9.1534.					
1533		Thừa sai Inekhu , người Âu Châu, lên đến truyền giáo ở làng Ninh Cường, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Chỉ thuộc Giáo phận Bùi Chu, tỉnh Nam Định ngày nay.	Lê Trang Tông 1533-1548.	Thái Tông (Mạc Đăng Doanh) 1530-1540 (con Mạc Đăng Dung		
1539	Đgh Phaolô III Ý. 13.10.1534 - 10.11.1549.	Dòng Tên (<i>Dòng Chúa Giêsu; tiếng La Tinh: Societas Iesu= Hội dòng Giêsu, viết tắt là S.J.) được thành lập bởi thánh Inhaxiô Loyola.</i>				
1545		<i>Khai mạc Công đồng Trent 1545.</i>				<i>Thời các chúa Nguyễn 1615-1778) 8 Sắc chỉ cấm đạo.</i>

1550	Đgh Giuliô III Ý. 7.2.1550 - 23.3.1555.	Cha Gaspar da Santa Cruz, dòng Đaminh từ Malacca đến Hà Tiên truyền giáo, thời đó Hà Tiên thuộc Cambodia. <i>- Cử hành Năm Thánh 1550 (10).</i>	Lê Trung Tông 1548-1556.	Tuyên Tông (Mạc Phúc Nguyên) 1547-1561.	Trịnh Kiểm 1545-1570 (25 năm).	Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) 1558 - 1613.
1555	Đgh Marcellô II Ý. 9.4.1555 - 1.5.1555 .					
1555	Đgh Phaolô IV 23.5.1555 - 18.8.1559.					
1559	Đgh Piô IV 25.12.1559 - 9.12.1565.	<i>Mở lại Công đồng Trentô năm 1562, bế mạc vào năm 1563.</i>				
1566	Thánh Piô V 7.1.1566 - 1.5.1572.					
1571		<i>Chiến thắng quân Hồi tại vịnh Lepanto 7.10.1571.</i>				
1575		<i>- Cử hành Năm Thánh 1575 (11).</i>				
1580-1586	Đgh Grêgôriô XIII .13.5.1572 - 10.4.1585.	Cha Louis da Fonseca và Cha Gregoire de la Motte dòng Đaminh đến truyền giáo tại Quảng Nam . <i>Cải cách lịch 1582.</i>	Lê Thế Tông 1573-1599.	Mục Tông (Mạc Mậu Hợp) 1562-1592.	Trịnh Tùng 1570-1623 (53 năm).	

1583		Các Cha Bartolomew Ruiz, Pedro Ortis, Francis de Montilla và bốn trợ sĩ dòng Phanxicô từ Philippines đến truyền giáo tại miền Bắc .				
1590	Đgh Xítô V 24.4.1585 - 27.8.1590. Đgh Urbanô VII 15.9.1590 - 27.9.1590.					
1591	Đgh Grêgôriô XIV 5.12.1590 - 16.10.1591. Đgh Innôcentê IX 29.10.1591 - 30.12.1591.	Cha Pedro Ordoñez de Cevallos Rửa tội cho công chúa Mai Hoa (Maria Flora). Bà là chị của vua Lê Thái Tông. Linh mục Girolamo Maiorica (1591-1656), Dòng Tên, là một trong những người đầu tiên viết văn xuôi bằng chữ Nôm, để lại một số lớn tác phẩm tôn giáo bằng chữ Nôm.				
1592	Đgh Clêmentê VIII 30.1.1592 - 3.3.1605.			Cảnh Tông (Mạc Toàn) 1592-1592. <i>Nhà Mạc kết thúc tại đây.</i>		

		THẾ KỶ 17				
1600			<i>- Cử hành Năm Thánh 1600 (12).</i>			
1605	Đgh Lêô XI 1.4.1605 - 27.4.1605.					
1615	Đgh Phaolô V 16.5.1605 - 28.1.1621.	Đoàn truyền giáo đầu tiên của dòng Tên đến cửa Hàn, Đà Nẵng, do Cha Francois Buzomiand dẫn đầu, cùng với Cha Diego Carvalho và 3 trợ sĩ: Antonio Dias, Joseph, và Paulo Saito. <i>Hoàn thành Vương Cung Thánh Đường thánh Phêrô ở Rôma.</i>	Lê Thân Tông (1) 1619-1643.			Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) 1613 - 1635.
1621	Đgh Grêgôriô XV 9.2.1621 - 8.7.1623.		<i>Thiết lập Thánh Bộ Truyền Giáo ngày 22.6.1622.</i>			
1624	Đgh Urbanô VIII 6.8.1623 - 29.7.1644.	Cha Alexandre de Rhodes , dòng Tên (1593 - 1660) đến Hải Phố để học Tiếng Việt với Cha F. de Pina. Ngài cũng chứng kiến Bí tích Rửa tội cho bà Minh Đức Vương Thái Phi , vợ lẽ của Chúa Nguyễn Hoàng. Bà lấy tên thánh là Maria Madalena.			Trịnh Tráng 1623- 1657 (34 năm).	

1625		Tháng 12, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên ra sắc chỉ cấm người Công giáo VN không được mang trên mình, treo trong nhà thánh giá và các ảnh tượng. <i>- Cử hành Năm Thánh 1625 (13).</i>				Sắc chỉ cấm đạo 1
1627					<i>Thời các chúa Trịnh (1627-1786) 17 Sắc chỉ cấm đạo.</i>	
1628		(18/06) Trịnh Tráng ra lệnh cấm người Việt không được tiếp xúc với các thừa sai (Tây Dương Đạo Trưởng). Lúc này tại Đàng Ngoài (Miền Bắc) đã có hơn 1.600 tín hữu Công giáo.				
1629		<i>Thành lập tổ chức Nhà Đức Chúa Trời.</i>				Sắc chỉ cấm đạo 1
1630		Tháng 4, Cha Đắc Lộ và các thừa sai bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài. Một tín hữu là Phanxicô , phu khiêng cáng ở triều đình, bị chém đầu vì tội chôn xác chết. Chứng nhân đầu tiên ở Đàng Ngoài.				
1632		<i>Vụ án Galileo Galilei 1632.</i>				Sắc chỉ cấm đạo 2
1635						Sắc chỉ cấm đạo 3

1638					Sắc chỉ cấm đạo 4	
1639		Miền Bắc đã có 82.000 tín hữu Công giáo (căn cứ trên hồ sơ rửa tội). Miền Trung có khoảng 15.000 giáo dân Công giáo.				Chúa Thượng (Nguyễn Phúc Lan) 1635 - 1648. Sắc chỉ cấm đạo 2
1643					Sắc chỉ cấm đạo 5	
1644	Đgh Innôcentê X 15.9.1644 - 7.1.1655.	- Chân phước Anrê Phú Yên , Thầy giảng. Bị chém đầu tại Quảng Nam ngày 26 tháng 7. Đgh Gioan Phaolô II phong chân phước năm 2000. Thầy là chứng nhân đức tin đầu tiên của Đàng Trong. - Cha Đắc Lộ mạo hiểm ở lại Miền Trung nên bị bắt, bị cầm tù và sau đó bị trục xuất.	Lê Chân Tông 1643-1649.			Sắc chỉ cấm đạo 3
1650		- <i>Cử hành Năm Thánh 1650 (14).</i>				
1651		Tại Rôma, Cha Đắc Lộ cho xuất bản 3 tác phẩm quốc ngữ đầu tiên do chính Cha biên soạn và nhà xuất bản Đa Ngữ Thánh Bộ Truyền Giáo ấn hành: - Ngày 05.02.1651: Từ điển Việt - Bồ - La. - Ngày 05.02.1651: Văn Phạm Việt Nam. - Ngày 02.10.1651: Sách song ngữ Phép Giảng Tám Ngày.	Lê <u>Thần Tông</u> (2) <u>1649-1662.</u>			Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) 1648 - 1687.

1653		<i>Lên án thuyết Jansénius năm 1653.</i>				
1655	Đgh Alexandê VII 7.4.1655 - 22.5.1667.					
1657					Trịnh Tạc 1657- 1682 (25 năm).	
1658		Hội Thừa sai Paris (Missions Étrangères de Paris), ra đời năm 1658 và được chấp nhận năm 1664 dưới thời Giáo hoàng Alexandê VII.			Sắc chỉ cấm đạo 6	
1659		Đức Thánh Cha Alexander III ban sắc lệnh thành lập 2 giáo phận truyền giáo đầu tiên tại Việt Nam. * Giáo phận Đàng Trong: Từ sông Gianh vào Nam, gồm Chiêm Thành và Cao Miên, do Đức cha Pierre Lambert de la Motte làm Đại diện tông tòa. * Giáo phận Đàng Ngoài: Từ sông Gianh trở ra Miền Bắc và Miền Nam Trung Hoa, do Đức cha Francois Pallu cai quản.	Sông Gianh dài khoảng 160 km, chảy trên địa phận tỉnh Quảng Bình, bắt nguồn từ ven núi Cô Pi cao 2.017 m	thuộc dãy Trường Sơn, đổ ra biển Đông ở Cửa Gianh.		

1660		Cha Đắc Lộ muốn trở lại truyền giáo tại Việt Nam nhưng không thành. Cha đã được sai sang truyền giáo tại Ba tư (1654) và yên nghỉ tại Ispahan (05/11/1660).				
1663		(12/11) Những vị thừa sai dòng Tên cuối cùng bị trục xuất, chấm dứt thời kỳ khai phá của dòng Tên tại Đàng Ngoài.	Lê Huyền Tông 1663-1671.		Sắc chỉ cấm đạo ⁷	Sắc chỉ cấm đạo 4
1665		Tháng 2, tất cả các vị thừa sai dòng Tên đều bị trục xuất, chấm dứt thời kỳ khai phá của dòng Tên tại Đàng Trong. <i>Trang hoàng quảng trường Đền thờ Thánh Phêrô bằng hàng cột Bernini và 2 đài phun nước.</i>				Sắc chỉ cấm đạo 5
1668	Đgh Clément IX 20.6.1667 - 9.12.1669.	Tại chủng viện Ayutthaya , Thái Lan, bốn linh mục Việt Nam đầu tiên được Đức cha Lambert de la Motte thụ phong linh mục: Cha Giuse Trang và Luca Bền (Đàng Trong, được thụ phong vào tháng 3); Cha Bê-nê-dictô Hiền và Gioan Huệ (Đàng Ngoài, được thụ phong vào tháng 6). <i>Hàng Cột Bernini của Đền thờ Thánh Phêrô (284 cột) được trang trí với 140 tượng thánh.</i>				
1669					Sắc chỉ 8.	

1670	Đgh Innocentê XI 29.4.1670 - 22.7.1676.	Tháng 2, Đức cha Lambert de la Motte họp Công đồng Đàng Ngoài tại Phố Hiến. Ngài cũng thành lập đòng Mến Thánh Giá vào năm này.				
1672		(19/01) Đức cha Lambert de la Motte họp Công đồng Đàng Trong tại Hội An (Hải Phố).	Lê Gia Tông 1672-1675.			
1675		<i>- Cử hành Năm Thánh 1675 (15).</i>				
1679	Đgh Innocentê XI 21.9.1676 - 12.8.1689.	Giáo phận Đàng Ngoài được chia thành 2 giáo phận mới: Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng) (từ sông Hồng ra biển) do Đức cha Deydier cai quản và Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) (từ sông Hồng đến biên giới Lào) do Đức cha J. de Bourges coi sóc.	Lê Hy Tông 1675-1705.			
1682					Chúa Trịnh Cần (1682- 1709) (27 năm) Sắc chỉ cấm đạo 9.	
1683		<i>Lập lễ kính Thánh Danh Đức Mẹ Maria.</i>				

1691	Đgh Alexandê VIII 6.10.1689 - 1.2.1691. Đgh Innôcentê XII 12.7.1691 - 27.9.1700.	- <i>Quy định các linh mục phải mặc áo chùng hằng ngày và tinh tâm theo định kỳ.</i> - <i>Khai mạc Năm Thánh 1700 (16).</i>				Sắc chỉ cấm đạo 6
		THẾ KỶ 18				
1700	Đgh <u>Clémentê XI</u> 23.11.1700 - 19.3.1721.	<i>Bế mạc Năm Thánh 1700.</i>				Sắc chỉ cấm đạo 7
1704		Chúa Minh (Nguyễn Phúc Chu) đình chỉ việc cấm đạo vì quý mến một số giáo sĩ dòng Tên người Tây Ban Nha, Cha Juan Antonio Arnedo. Ngài là nhà thiên văn giỏi và là nhà thầy thuốc riêng của chúa tại kinh đô. <i>Ngày 20.11.1704, Đức Clement XI kết án lễ nghi Trung Hoa.</i>				Chúa Minh (Nguyễn Phúc Chu) 1691- 1725.
1709					Chúa Trịnh Cương (1709-	

					1729) 20 năm. Sắc chỉ cấm đạo 10.	
1712					Sắc chỉ cấm đạo 11.	
1721	Đgh Innôcentê XIII 8.5.1721 - 7.3.1724.				Sắc chỉ cấm đạo 12.	
1722					Sắc chỉ cấm đạo 13.	
1725	Đgh Biênn Đức XIII 29.5.1724 - 21.2.1730.	<i>- Cử hành Năm Thánh 1725 (17).</i>				Sắc chỉ cấm đạo 8.
1736	Đgh Clêmentê XII 12.7.1730 - 6.2.1740.	<i>Phạt vạ tuyệt thông những ai có liên hệ với hội Tam Điểm.</i>			Chúa Trịnh Giang (1729-1740) 11 năm. Sắc chỉ cấm đạo 14.	

1745	Đgh Biên Đức XIV 17.8.1740 - 3.5.1758.	<i>Th. Matthêu Alonso Leciniana Đậu</i> , Tây Ban Nha, Lm. Bị xử trảm tại Thăng Long ngày 22 tháng 01. Đgh Piô X phong chân phước. <i>Th. Phanxicô Gil de Federich Tế</i> , Tây Ban Nha, Linh mục, Bị xử trảm tại Thăng Long ngày 22 tháng 01. Đgh Piô X phong chân phước.			Trịnh Doanh (1740- 1767).	
1750		<i>- Cử hành Năm Thánh 1750 (18).</i>				
1754					Sắc chỉ cấm đạo 15.	
1757		Từ năm 1698 đến 1757, các chúa Nguyễn đã đặt xong cơ sở hành chính trên khắp địa bàn Nam Bộ .				
1765	Đgh Clémentê XIII 6.7.1758 - 2.2.1769.	<i>Đối phó với những vấn đề do chủ nghĩa duy lý tạo ra.</i>			Sắc chỉ cấm đạo 16.	
1771	Đgh Clémentê XIV 19.5.1769 - 22.9.1774.	Đức cha Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) làm đại diện tông tòa tại Đàng Trong, nuôi dưỡng Hoàng Tử Cảnh (từ 4 tuổi).	Lê Hiền Tông 1740-1786 (<i>Triều Lê</i> <i>kết thúc với</i> <i>Lê Mẫn Đế</i> <i>1787).</i>		Trịnh Sâm 1767- 1782 (15 năm).	Chúa Định (Nguyễn Phúc Thuần) 1765- 1777.

1773		<p><i>Th. Henricô Castaneda Gia</i>, Tây Ban Nha, Lm. Bị xử trảm tại Đồng Mơ (Ninh Bình) ngày 07 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p><i>Th. Vincentê Lê Quang Liêm</i>, Lm. Bị xử trảm tại Đồng Mơ (Ninh Bình) ngày 07 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p style="text-align: center;"><i>- Dòng Tên bị hiệu lâm và giải thể.</i></p>		*****	Sắc chỉ cấm đạo 17.	
1775	Đgh Piô VI 15.2.1775 - 29.8.1799.	<i>- Cử hành Năm Thánh 1775 (19).</i>		Nhà Tây Sơn khởi nghĩa 1775, đóng đô tại Quy Nhơn. Kết thúc 1802.		
		<i>Năm 1777 cả hai (vua Lê, chúa Trịnh) đều bị nhà Tây Sơn tiêu diệt, riêng Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát thân vào Nam gây dựng lại cơ đồ.</i>				
1778		Nhà Tây Sơn		Thái Đức Nguyễn Nhạc (1778 - 1788).		
1779		Miền Nam 3 sắc chỉ cấm đạo, Miền Bắc 3 sắc chỉ cấm đạo.		Miền Nam sắc chỉ 1.		
1785				Miền Nam sắc chỉ 2.		

1788				Quang Trung Nguyễn Huệ (1788 - 1792).		
1792				Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản (1792 - 1802).		
1795				Miền Bắc sắc chỉ 1 (7.1). Miền Bắc sắc chỉ 2 (24.1).		
1798		<p>Th. Emmanuel Nguyễn Văn Triệu, Linh mục. Bị xử trảm tại Bãi Dâu ngày 17 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Gioan Đạt, Linh mục. Bị xử trảm tại Chợ Rạ (Thanh Hóa) ngày 28 tháng 10. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Đức Mẹ La Vang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, thuộc Tổng Giáo phận Huế.</p>		Miền Nam sắc chỉ 3.		
1799		Giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) mất.		Miền Bắc sắc chỉ 3.		

		THẾ KỶ 19		
1801		- Hoàng tử Cảnh chết.		
1802	Đgh Piô VII 14.3.1800 - 20.8.1823	Vua Nguyễn Ánh thắng nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước, lấy niên hiệu là Gia Long và chọn Phú Xuân (Huế) làm kinh đô.	Gia Long (1802-1820) Nguyễn Phúc Ánh.	
1806		Linh mục Gioakim Đặng Đức Tuấn , Bình Định (1806-1874).		
1814		<i>Dòng Tên được tái lập ngày 7.8.1814.</i>		
1825	Đgh Lêô XII 28.9.1823 - 10.2.1829	Vua Minh Mạng ra sắc chỉ cấm đạo gồm hai điểm: (1) Cấm các giáo sĩ ngoại quốc theo tàu buôn vào Việt Nam; (2) Tập trung các giáo sĩ ngoại quốc vào những điểm được chỉ định để kiểm soát. <i>- Cử hành Năm Thánh 1825 (20).</i>	Minh Mạng (1820 - 1841) Nguyễn Phúc Đảm. Có 7 Sắc chỉ cấm đạo. Sắc chỉ cấm đạo 1.	
1826			Sắc chỉ cấm đạo 2.	
1830	Đgh Piô VIII 31.3.1829 - 1.12.1830.	<i>Ngài khởi xướng dịch vụ bưu chính của giáo triều Vatican và tăng cường hoạt động truyền giáo trên thế giới.</i> Nguyễn Trường Tộ , Nghệ An (1830 -1871).	Sắc chỉ cấm đạo 3.	
32 * Lịch Sử Giáo Hội Vn Trong Lòng Dân Tộc - Gb. Nguyễn Thái Hùng				

1832		Vương quốc Chăm Pa từ dãy núi Hoàng Sơn, Quảng Bình cho đến Bình Thuận và từ biển Đông cho đến tận miền núi phía Tây của nước Lào ngày nay, tồn tại từ 192 đến 1832.		
1833	Đgh Grêgôriô XVI 2.2.1831 - 1.6.1846	Th. Phanxicô Isidore Gagelin Kinh , Pháp, Lm. Bị xử giáo tại Bãi Dâu. Ngày 17 tháng 10. Đgh Lêô XIII phong chân phước. Th. Phaolô Tổng Viết Bường , Giáo dân. Bị xử trảm tại Thọ Đức (Huế) ngày 23 tháng 10. Đgh Lêô XIII phong chân phước. Th. Phêrô Lê Tuy , Linh mục. Bị xử trảm tại Quan Ban (Vinh) ngày 11 tháng 10. Đgh Lêô XIII phong chân phước.	Sắc chỉ cấm đạo 4.	.
1834		Vua Minh Mạng đưa phần lãnh thổ Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) vào bản đồ Việt Nam (Đại Nam nhất thống toàn đồ - 1834).	Sắc chỉ cấm đạo 5.	
1835		Th. Anrê Trần Văn Trông . Giáo dân. Bị xử trảm tại An Hòa (Huế) ngày 28 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước. Th. Giuse Marchand Du , Pháp, Linh mục. Bị xử hình bá đao tại Thọ Đức (Huế) ngày 30 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		
1836			Sắc chỉ cấm đạo 6.	
1837		Th. Gioan Charles Cornay Tân , Pháp, Lm. Bị xử lăng trì tại Sơn Tây ngày 20 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		

		<i>Th. Phanxicô Xaviê Càn</i> , Thầy giảng. Bị xử giáo tại Ô Cầu Giấy (Hà Nội) ngày 20 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		
1838		<p><i>Th. Bênadô Vũ Văn Duệ</i>, Linh mục. Bị xử trảm tại Ba Tòa (Nam Định) ngày 01. 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Phanxicô Đỗ Văn Chiêu</i>, Thầy giảng. Bị xử trảm đạo tại Nam Định ngày 12 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>* <i>Th. Đa Minh Henarès Xuân</i>, Giám mục, Tây Ban Nha, Bị xử trảm tại Nam Định ngày 25 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Vincentê Đỗ Yến</i>, Linh mục. Bị xử trảm tại Hải Dương ngày 30 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Giuse Nguyễn Đình Uyển</i>, Thầy giảng. Chết rũ tù tại Hưng Yên ngày 04 tháng 7. Đgh XIII phong chân phước.</p> <p>* <i>Th. Clémentê Ignatius Delgado Hy</i>, Giám mục, Tây Ban Nha, Bị chết rũ tù tại Nam Định, 12.7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Phêrô Nguyễn Bá Tuần</i>, Linh mục. Bị chết rũ tù tại Nam Định ngày 15 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Giuse Fernandez Hiền</i>, Tây Ban Nha, Linh mục. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 24 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Đa Minh Nguyễn Văn Hạnh</i>, Linh mục. Bị xử trảm tại Ba Tòa (Nam Định) ngày 01 tháng 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p><i>Th. Giacôbê Đỗ Mai Năm</i>, Linh mục. Bị xử trảm tại Bẩy Mẫu (Nam Định) ngày 12 tháng 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p>	Sắc chỉ cấm đạo 7.	

		<p>Th. Micae Nguyễn Huy Mỹ, Giáo dân. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu (Nam Định) ngày 12 tháng 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Antôn Nguyễn Đích, Giáo dân. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 12 tháng 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Đặng Đình Viên, Linh mục. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 21 tháng 8. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Hoàng Lương Cảnh, Giáo dân. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 05 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Nguyễn Văn Tự, Linh mục. Bị xử trảm tại Bắc Ninh ngày 05 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phanxicô Jaccard Phan, Pháp, Linh mục. Bị xử giáo tại Nhan Biều (Quảng Trị) ngày 21 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Tôma Trần Văn Thiện, Chứng sinh. Bị xử giáo tại Nhan Biều (Quảng Trị) ngày 21 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>* Th. Phêrô Rose Dumoulin Borie Cao, Giám mục, Pháp. Bị xử trảm tại Đồng Hới ngày 24 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Võ Đăng Khoa, Linh mục. Bị xử giáo tại Đồng Hới ngày 24 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Vincentê Nguyễn Thế Điểm, Linh mục. Bị xử giáo tại Đồng Hới ngày 24 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Nguyễn Văn Mỹ, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Sơn Tây ngày 18 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Nguyễn Văn Đường, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Sơn Tây ngày 18 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Vũ Văn Truật, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Sơn Tây ngày 18 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p>		
--	--	---	--	--

1839		<p>Th. Đa Minh Vũ Đình Tước, Linh mục. Bị tra tấn đến chết tại Nam Định ngày 02 tháng 4. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Augustinô Phan Viết Huy, Giáo dân. Xử lăng trì tại Thừa Thiên ngày 12 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Nicôla Bùi Đức Thế, Giáo dân. Bị xử lăng trì tại Thừa Thiên ngày 12 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Đình Đạt, Giáo dân. Bị xử giáo tại Nam Định ngày 18 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Tôma Đình Viết Dụ, Linh mục. Bị xử trảm tại Bắy Mẫu ngày 26 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Augustinô Nguyễn Văn Mới, Giáo dân. Bị xử giáo tại Cổ Mễ (Bắc Ninh) ngày 19 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Bùi Văn Úy, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Cổ Mễ (Bắc Ninh) ngày 19 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phanxicô Xaviê Hà Trọng Mậu, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Cổ Mễ (Bắc Ninh) ngày 19 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Stêphanô Nguyễn Văn Vinh, Linh mục. Bị xử giáo tại Cổ Mễ (Bắc Ninh) ngày 19 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Tôma Nguyễn Văn Đệ, Giáo dân. Bị xử giáo tại Cổ Mễ (Bắc Ninh) ngày 19 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Anrê Trần An Dũng Lạc, Lm. Xử trảm ngày 21 tháng 12 tại Ô Cầu Giấy (Hà Nội). Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Phạm Văn Thi, L.mục. Bị xử trảm tại Ô Cầu Giấy (Hà Nội) ngày 21 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p>		
------	--	--	--	--

1840		<p>Th. Phêrô Nguyễn Văn Hiếu, Thầy giảng. Bị xử trảm tại Ninh Bình ngày 28 tháng 4. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Gioan Baotixita Đình Văn Thành, Thầy giảng. Bị xử trảm tại Ninh Bình ngày 28 tháng 4. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Phạm Khắc Khoan, Linh mục. Bị xử trảm tại Ninh Bình ngày 28 tháng 4. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Đỗ Quang Hiến, Linh mục. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 09 tháng 5. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Luca Vũ Bá Loan, Linh mục. Bị xử trảm tại Đồng Mô (Ninh Bình) ngày 05 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Tôma Toán, Thầy giảng. Bị chết rũ tù tại Nam Định ngày 27 tháng 6. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh, Giáo dân. Bị xử giáo tại Đồng Hới ngày 10 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Nguyễn Khắc Tự, Thầy giảng. Bị xử giáo tại Đồng Hới ngày 10 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Trạch, Linh mục. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu (Nam Định) ngày 18 tháng 9. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Gioan Baotixita Cỏn, Giáo dân. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 08 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Nguyễn Đình Nghi, Linh mục. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 08 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Martinô Tạ Đức Thịnh, Linh mục. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 08 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Martinô Thọ, Giáo dân. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu ngày 08 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Nguyễn Ngân, Linh mục. Bị xử trảm tại Bảy Mẫu (Nam Định) ngày 08 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p>		
------	--	--	--	--

		<i>Th. Simon Phan Đắc Hòa</i> , Giáo dân. Bị xử trảm tại An Hòa (Huế) ngày 12 tháng 12. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		
1841		<p><i>Th. Inê Lê Thị Thành</i>, Giáo dân. Bị chết rũ tù tại Nam Định ngày 12 tháng 7. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Đức Giám mục Cuenot Thê mở Công đồng Gò Thị (Bình Định): truyền giáo, huấn luyện và nâng cao trình độ cho hàng giáo sĩ.</p>	<p>Thiệu Trị (1841 - 1847) Nguyễn Phúc Miên Tông. Có 1 Sắc chỉ cấm đạo.</p> <p>Vua Minh Mạng qua đời, vua Thiệu Trị lên nối ngôi và ra lệnh ân xá cho tất cả các tù nhân Công giáo được trở về quê hương. Nhà vua không bắt đạo gắt gao nhưng cũng không hủy bỏ những chỉ dụ cấm đạo.</p>	
1842		<i>Th. Phêrô Hoàng Khanh</i> , Linh mục. Bị xử trảm tại Hà Tĩnh ngày 12 tháng 7. Đgh Piô X phong chân phước.		
1844		Đức Thánh Cha chia Giáo phận Đàng Trong thành hai giáo phận mới: Giáo phận Đông Đàng Trong (Quy Nhơn) và Giáo phận Tây Đàng Trong (Sài Gòn) gồm lục tỉnh Nam Kỳ và Cao Miên.		

1847	Chân phước Piô IX 16.6.1846 - 7.2.1878.	<i>Th. Matthêu Lê Văn Gấm</i> , Giáo dân. Bị xử trảm tại Chợ Đũi ngày 11 tháng 5. Đgh Lêô XIII phong chân phước.	Sắc chỉ cấm đạo.	
1846		Giáo phận Tây Đàng Ngoài được chia làm hai: Giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) và Giáo phận Nam Đàng Ngoài (Vinh, Nghệ An).		
1848		Vua Tự Đức ra chiếu chỉ cấm Gia Tô tả đạo. Giáo phận Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu) được tách ra từ Giáo phận Đông Đàng Ngoài .	Tự Đức (1847-1883) Nguyễn Phúc Hồng Nhậm. Có 14 Sắc chỉ cấm đạo. Sắc chỉ cấm đạo 1.	
1850		Gp Đông Đàng Trong thành hai : Gp Bắc Đàng Trong (<i>Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, (Huế)</i>) và Gp Đông Đàng Trong (<i>từ Đà Nẵng, Quy Nhơn đến Phan Thiết</i>); Gp Tây Đàng Trong được chia làm hai: Gp Tây Đàng Trong (<i>từ Đồng Nai đến Vĩnh Long</i>) và Gp Nam Vang (<i>Cambodia và các tỉnh phía Nam Hậu Giang của VN</i>).		
1851		<i>Th. Augustinô Schoeffler Đông</i> , Pháp. L. mục. Bị xử trảm tại Sơn Tây ngày 01 tháng 5. Đgh Lêô XIII phong chân phước.	Sắc chỉ cấm đạo 2.	
1852		<i>Th. Gioan Louis Bonnard Hương</i> , Pháp, Linh mục. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 01 tháng 5. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		

1853		Th. Philipphê Phan Văn Minh , Linh mục. Bị xử trảm tại Đình Khao (Vĩnh Long) ngày 03 tháng 7. Đgh Lêô XIII phong chân phước.		
1854		Th. Giuse Nguyễn Văn Lưu , Giáo dân. Chết rũ tù tại Vĩnh Long ngày 02 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước. <i>Ngày 8.12.1854, bằng sắc chỉ Ineffabilis Deus, Đức giáo hoàng đã công bố tin điều Vô Nhiễm Nguyên Tội của Maria.</i>		
1855		Th. Anrê Nguyễn Kim Thông , Giáo dân. Chết rũ tù ngày 15 tháng 7 tại Mỹ Tho. Đgh Piô X phong chân phước.	Sắc chỉ cấm đạo 3.	
1856		Th. Lôrensô Nguyễn Văn Hưởng , Linh mục. Bị xử trảm tại Đồng Mơ (Ninh Bình) ngày 13 tháng 02. Đgh Piô X phong chân phước.	Tàu Pháp bắn phá cảng Đà Nẵng.	
1857		Th. Phaolô Lê Bảo Tịnh , Linh mục. Bị xử trảm tại Bấy Mẫu (Nam Định) ngày 06 tháng 4. Đgh Piô X phong chân phước. Th. Micae Hồ Đình Hy , Giáo dân. Bị xử trảm tại An Hòa (Huế) ngày 22 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước. Th. Phêrô Đoàn Văn Vân , Thầy giảng. Bị xử trảm tại Sơn Tây ngày 25 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước. * Th. Giuse Maria Diaz Sanjurjo An , Giám mục, TBN, Bị xử trảm tại Nam Định ngày 20.7. Đgh Piô XII phong chân phước.	Sắc chỉ cấm đạo 4. Sắc chỉ cấm đạo 5. Sắc chỉ cấm đạo 6. Sắc chỉ cấm đạo 7.	

1858		<p>* Th. Melchor Garcia Sampedro Xuyên, Giám mục, TBN, Bị xử lãng trì tại Nam Định ngày 28 tháng 7. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phanxicô Trần Văn Trung, Giáo dân. Bị xử trảm tại An Hòa (Huế) ngày 06 tháng 10. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Hà Trọng Mậu, Linh mục. Bị xử trảm tại Hưng Yên ngày 05 tháng 11. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Nguyễn Văn Xuyên, Linh mục. Bị xử trảm tại Bầy Mầu (Nam Định) ngày 26 tháng 11. Đgh Lêô XIII phong chân phước.</p> <p style="text-align: center;"><i>Đức Mẹ hiện ra tại Lộ Đức (Pháp, 1858).</i></p>	<p>Vua Tự Đức nổi giận, ra chiếu chỉ cấm đạo lần thứ tư (1858). Các Tây Dương Đạo Trưởng bị bắt sẽ phải chịu chém, bêu đầu ba ngày ở những nơi công cộng và quăng xác xuống biển.</p>	
1859		<p>Th. Đa Minh Phạm Viết Khảm, Giáo dân. Bị xử giáo tại Nam Định ngày 13 tháng 01. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Phạm Trọng Tả, Giáo dân. Bị xử giáo tại Nam Định Ngày 13 tháng 01. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Luca Phạm Viết Thìn, Giáo dân. Bị xử giáo tại Nam Định ngày 13 tháng 01. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Lê Văn Lộc, Linh mục. Bị xử trảm tại Gia Định ngày 13 tháng 02. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Cẩm, Linh mục. Bị xử trảm tại Hưng Yên ngày 11 tháng 3. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Hạnh, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Việt (Gia Định) ngày 28 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Emmanuel Lê Văn Phụng, Giáo dân. Bị xử trảm tại Châu Đốc ngày 31 tháng 7. Đgh Piô X phong chân phước.</p>	<p>Sắc chỉ cấm đạo 8. Sắc chỉ cấm đạo 9. Sắc chỉ cấm đạo 10.</p>	

		<p>Th. Phêrô Đoàn Công Quý, Linh mục. Bị xử trảm tại Châu Đốc ngày 31 tháng 7. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Đức Mẹ hiện ra tại Champion, Bắc Wisconsin (Mỹ, 1859).</p>		
1860		<p>Th. Tôma Khuông, Linh mục. Bị xử trảm tại Hưng Yên ngày 30 tháng 01. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Lê Đăng Thị, Giáo dân. Bị xử giáo tại An Hòa ngày 24 tháng 10. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Francois Neron Bắc, Pháp, Linh mục. Bị xử trảm tại Sơn Tây ngày 03 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p>	<p>Sắc chỉ cấm đạo 11. Sắc chỉ cấm đạo 12. Sắc chỉ cấm đạo 13. Sắc chỉ cấm đạo 14. (Phân sáp)</p>	
1861			<p>Pháp chiếm thành Kỳ Hòa, mở rộng vùng kiểm soát tới Biên Hòa, Tây Ninh, Mỹ Tho và Vĩnh Long. Tình hình bất ổn, triều đình càng căm thù và ra tay giết các tín hữu Công giáo. Các tín hữu tại Ba Giồng, Hữu Đạo, Biên Hòa, Bà Rịa bị sát hại tập thể.</p>	
1861		<p>Th. Phêrô Nguyễn Văn Lưu, Linh mục. Bị xử trảm tại Mỹ Tho ngày 07 tháng 4. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Tuân, Linh mục. Bị xử trảm tại Hưng Yên ngày 30 tháng 4. Đgh Piô XII phong chân phước.</p>		

		<p>Th. Gioan Đoàn Trịnh Hoan, Linh mục. Bị xử trảm tại Đồng Hới ngày 26 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Matthêu Nguyễn Văn Phượng, Giáo dân. Bị xử trảm tại Đồng Hới ngày 26 tháng 5. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Gioan Jean Théophane Vénard Ven, Pháp, Linh mục. Bị xử trảm tại Ô Cầu Giấy (Hà Nội) ngày 2.2. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>* Th. Berrio Ochoa Vinh, Giám mục, Tây Ban Nha, Bị xử trảm tại Hải Dương ngày 01 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Almato Bình, Tây Ban Nha, Linh mục. Bị xử trảm tại Hải Dương ngày 01 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>* Th. Giêrônimô Hermosilla Liêm, Giám mục, Tây Ban Nha, Bị xử trảm tại Hải Dương ngày 01.11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>* Th. Etienne Théodore Cuénot Thê, Giám mục Pháp, Chết rũ tù tại Bình Định ngày 14 tháng 11. Đgh Piô X phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Nguyễn Duy Khang, Thầy giảng. Bị xử trảm tại Hải Dương ngày 06 tháng 12. Đgh Piô X phong chân phước.</p>		
1862		<p>Th. Giuse Trần Văn Tuấn, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 07 tháng 01. Đgh XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Huyền, Giáo dân. Bị thiêu sống tại Nam Định ngày 5 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Lôrensô Ngôn, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 22 tháng 5. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Giuse Túc, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 01 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p>	Hòa ước Nhân Tuất có khoản quy định về tự do tôn giáo nhưng vua Tự Đức vẫn duy trì việc cấm đạo. Những cuộc sát hại tập thể tiếp tục diễn ra ở Nam Định, Hưng Yên và Biên Hòa.	

		<p>Th. Đa Minh Ninh, Giáo dân. Bị xử trảm tại Hưng Yên ngày 02 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phaolô Dương, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 03 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Toái, Giáo dân. Bị thiêu sống đạo tại Hưng Yên ngày 05 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Dũng, Giáo dân. Bị thiêu sống tại Nam Định ngày 06 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Thuận, Giáo dân. Bị thiêu sống tại Nam Định ngày 06 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Vincentê Dương, Giáo dân. Bị thiêu sống tại Nam Định ngày 06 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Anrê Tường, Giáo dân. Bị xử trảm tại Làng Cốc - Nam Định ngày 16 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Nguyễn Đức Mạo, Giáo dân. Bị xử trảm tại Làng Cốc - Nam Định ngày 16 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Nguyên, Giáo dân. Bị xử trảm tại Nam Định ngày 16 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Đa Minh Nhi, Giáo dân. Bị xử trảm tại Làng Cốc- Nam Định ngày 16 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Vincentê Tường, Giáo dân. Bị xử trảm đạo tại Làng Cốc - Nam Định ngày 16 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p> <p>Th. Phêrô Đa, Giáo dân. Bị thiêu sống tại Nam Định ngày 17 tháng 6. Đgh Piô XII phong chân phước.</p>		
1867		<p><i>Thời kỳ Pháp thuộc 1867-1945: 81 năm (từ khi Nam Kỳ Lục tỉnh bị nhà Nguyễn cắt nhượng cho Pháp).</i></p>		

1868		Cuộc Bách Hại do nhóm Văn Thân (1868-1888): Khoảng 60,000 người dân Công Giáo bị sát hại.		
1869		Công đồng Vaticanô I khai mạc vào ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, 8.12.1869.		
1870		- Tính bất khả ngộ của Đức giáo hoàng đã được công bố qua Hiến chế Pastoraeternus - Đấng Chấn Chiên vĩnh hằng, 18.7.1870. - Xây dựng Đại chủng viện Penang (1870) để đào tạo các linh mục bản xứ Châu Á và Việt Nam.		
1875		- Cử hành Năm Thánh 1875 (21).		
1877		Vương cung thánh đường chính tòa Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội (Sài Gòn), xây dựng từ 1877 - 1880.		
1878	Đgh Lêô XIII 20.2.1878 - 20.7.1903.			
1883		Thành lập Gp. Bắc Đàng Ngoài (Bắc Ninh) tách từ Gp. Đông Đàng Ngoài gồm tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn.	Dục Đức (1883) 3 ngày. Hiệp Hòa (1883) 4 tháng. Kiến Phúc (1883-1884) 8 tháng.	

1884		“Nhà thờ chính tòa Hà Nội kính Thánh Giuse” được xây dựng từ 1884-1886.	Hàm Nghi (1884-1885) (Lưu đày tại Algérie 1888).	
1885			Đồng Khánh (1885-1889).	
1889			Thành Thái (1889-1907) Nguyễn Phúc Bửu Lân (Lưu đày đảo La Réunion 1916).	
1890		<i>Thiết lập trường Thánh Kinh ở Giêrusalem do các cha dòng Đa Minh ở Giêrusalem giảng dạy.</i>		
1891		<i>* Thông điệp Tân Sự - Rerum Novarum, Về vấn đề xã hội, 15.5.1891.</i>		
1893		<i>* Thông điệp Providentissimus Deus: đề nghị những quy phạm về việc nghiên cứu Kinh Thánh, 18.11.1893.</i>		
1895		Thành lập Giáo phận Đoài (Hưng Hóa) tách từ Gp. Tây Đàng Ngoài gồm các tỉnh Sơn Tây, Yên Bái, Hòa Bình và Lai Châu.		

		THẾ KỶ 20		
1900		<p style="text-align: center;"><i>- Cử hành Năm Thánh 1900 (22).</i></p> <p>- Ngày 27.5.1900 Đức Giáo hoàng Lêô XIII tôn phong 64 vị tử đạo Vn lên bậc chân phước. - Công Đồng Kẻ Sặt gồm các Giám mục Bắc Kỳ do Đgm Joses Terres Hiền triệu tập và chủ sự.</p>		
1902		<p style="text-align: center;"><i>Lập Ủy vụ Thánh Kinh (Đoản sắc Vigilantiae studiiique), có nhiệm vụ cổ động phong trào khảo sát Thánh Kinh và lo cho sự học hỏi này khỏi bị sai lầm.</i></p> <p>Thành lập Giáo phận Thanh (Phát Diệm và Thanh Hóa) tách từ Gp. Tây Đàng Ngoài.</p>		
1903	Thánh Piô X 4.8.1903 - 20.8.1914.			
1906		Ngày 20.5.1906 Đức Giáo hoàng Piô X tôn phong 8 vị tử đạo VN lên bậc chân phước.		
1907		<p style="text-align: center;"><i>* Thông điệp Pascendi lên án những sai lạc của các người theo thuyết Duy Tân, 8.9.1907.</i></p>	<p style="text-align: center;">Duy Tân (1907 - 1916) Nguyễn Phúc Vĩnh San (Lưu đầy đảo La Réunion 1916).</p>	

1909		Ngày 2.5.1909 Đức Giáo hoàng Piô X tôn phong 20 vị tử đạo VN lên bậc chân phước. <i>Tuần lễ cầu cho hiệp nhất từ 18 - 25 tháng 1 (bắt đầu 1908 bởi 2 mục sư J. Spencer (Anh Quốc) và L. Wattson (Hoa Kỳ). Năm 1910, L. Wattson trở lại Công giáo).</i>		
1910		<i>Cho những trẻ tới tuổi khôn được rước lễ.</i>		
1912		- Công Đồng Kẻ Sờ gồm các Giám mục Bắc Kỳ lần II do Đgm Pierre Gendreau Đông triều tập và chủ sự.		
1913		Thành lập Phủ Doãn Cao Bằng Lạng Sơn tách từ Gp. Bắc Đàng Ngoài.		
1914	Đgh Biển Đức XV 3.9.1914 - 22.1.1922.	<i>Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn cử hành vào tháng giêng được thành lập bởi ĐGH Piô X.</i>	Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)	
1916			Khải Định (1916 - 1925) Nguyễn Phúc Bửu Đảo	
1917		<i>- Công bố bộ Giáo Luật. - Đức Mẹ hiện ra tại Fatima (Bồ Đào Nha, 1917).</i>		

1922	Chân phước Piô XI 6.2.1922 - 10.2.1939.			
1924		Mười một giáo phận chính thức đổi tên theo địa danh nơi đặt tòa giám mục: Hà Nội, Hưng Hóa, Phát Diệm, Vinh, Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Quy Nhơn, Huế, Sài Gòn và Nam Vang.		
1925		(20/05) Lập tòa Khâm Sứ Tòa Thánh tại Việt Nam (gồm cả Thái Lan, Cambodia và AiLao) tại Huế, sau đó dời ra Hà Nội (1951) và dời vào Sài Gòn (1959). <i>- Cử hành Năm Thánh 1925 (23).</i>	Bảo Đại (1925 - 1945) Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy (<i>Là vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn và chế độ quân chủ tại Việt Nam. Trước khi mất, ông đã được rửa tội.</i>)	
1926		<i>Ngày Thế giới Truyền Giáo.</i>		
1931		<i>Đài Radio Vatican, 12 tháng 2 năm 1931 (36 ngôn ngữ).</i>		
1932		- Thành lập Giáo phận Kontum tách từ Gp. Qui Nhơn. - Thành lập Giáo phận Thanh Hóa tách từ Gp. Phát Diệm.		
1933		(11/06) Việt Nam có giám mục tiên khởi người bản xứ: Đức cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông . Đức cha được tấn phong giám mục tại đền thờ thánh Phêrô, Vatican.		

		<i>Cử hành Năm Thánh ngoại lệ: Năm Thánh Cứu Độ (24).</i>		
1931		<i>Thông điệp Aquadragesimo Anno - Tư Thập Niên, Về việc xây dựng trật tự xã hội, 15.05.1931.</i>		
1934		Công đồng Đông Dương tiên khởi họp tại Hà Nội.		
1936		- Thành lập Giáo phận Thái Bình .		
1938		- Thành lập Giáo phận Vĩnh Long .		
1939	Đáng đáng kính Piô XII 2.3.1939 - 9.10.1958	Phủ Doãn Lạng Sơn được nâng lên thành Gp. Lạng Sơn . - Huấn dụ <i>Plane compertum est</i> nói về lễ nghi Trung Hoa đối với Khổng Tử và Tô tiên, 3.12.1939.	- Chiến tranh thế giới thứ hai, 1939 -1945.	
1943		* Thông điệp <i>Mystici Corporis</i> : Giáo Hội như thân thể máu nhiệm của Chúa Kitô, 29.6.1943. * Thông điệp <i>Divino Afflante Spiritu</i> - Về những nghiên cứu Kinh Thánh, 20.9.1943.		
1945			- Nạn đói Ất Dậu chết hơn 2 triệu người.	

			- Tuyên ngôn Độc Lập	
1946		Linh mục Phanxicô Xaviê Trương Bửu Diệp (1897 - 1946).		
1947		* <i>Thông điệp Mediator Dei - Về Phụng vụ, 20.11.1947.</i>		
1950		- Tông thư Humani Generis ngày 12.8.1950, cảnh giác tín đồ Công giáo đối với những nguy cơ của thần học lịch sử mới. * Ngày 1.11.1950 tuyên bố tín điều " Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời " qua thông điệp <i>Magnificentissimus Deus</i> . - Cử hành Năm Thánh 1950 (25).		
1951		- Ngày 29.4.1951 Đức Giáo hoàng Piô XII tôn phong 25 vị tử đạo VN lên bậc chân phước. - Công Đồng Đông Dương II , 5 - 10.11.1951.		
1954			Hiệp định Genève .	
1955		- Thành lập Giáo phận Cần Thơ .		
1957		- Thành lập Giáo phận Nha Trang .		

1958		<ul style="list-style-type: none"> - Khai giảng Giáo Hoàng Học Viện Piô X tại Đà Lạt. - Khai giảng Viện Đại Học Đà Lạt. 		
1959		<ul style="list-style-type: none"> - Cung hiến Vương Cung Thánh Đường Đức Bà Sài Gòn (8.12). - Đại Hội Thánh Mẫu Toàn Quốc, kỷ niệm 300 năm 2 Giáo phận Đàng Ngoài - Đàng Trong và 100 năm Đức Mẹ Lộ Đức. 		
1960	Thánh Gioan XXIII 28.10.1958- 3.6.1963.	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam với tông hiến Venerabilium Nostrorum. Các giáo phận hiệu tòa trở thành chánh tòa với 3 tòa Tổng giám mục: Hà Nội, Huế và Sài Gòn. - Thành lập Giáo phận Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên. 		
1961		<p style="text-align: center;"><i>* Thông điệp Mater et Magistra - Mẹ và Thầy, 15.5.1961.</i></p> <p>Cung Hiến Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ La Vang (22.8).</p>		
1962		<p style="text-align: center;"><i>Triệu tập Công đồng Chung XXI: Vatican II (khai mạc 11.10.1962).</i></p>		
1963		<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Giáo phận Đà Nẵng (18.1). - Nhà thờ Chính Tòa Phủ Cam kính Trái tim Cực Sạch Đức Mẹ (Huế) (Xây dựng từ 1963-2000). 		

		<i>* Thông điệp Pacem in terris - Hòa bình trên Trái Đất, 11.4.1963.</i>		
	Thánh Phaolô VI 21.6.1963 - 6.8.1978.	<i>* Tiếp tục Công đồng Chung XXI: Vatican II.</i> <i>* Hiến chế về Phụng vụ Thánh (Sacrosanctum Concilium) ban hành ngày 4.12.1963.</i> <i>* Hiến chế Tín lý về Giáo hội (Lumen Gentium) ban hành ngày 4.12.1963.</i> <i>* Sắc lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội (Inter Mirifica) ban hành ngày 4.12.1963.</i> <i>- Ngày Truyền thông Thế giới.</i>	<p><i>Công đồng bế mạc ngày 8.12.1965 sau bốn năm làm việc, đã hoàn thành được 16 bản văn (4 Hiến chế, 9 sắc lệnh và 3 tuyên ngôn).</i></p>	
1964		<i>* Thông Điệp Ecclesiam Suam, 6.8.1964.</i> <i>* Sắc lệnh về các Giáo hội Công giáo Đông phương (Orientalium Ecclesiarum) ban hành ngày 21.11.1964.</i> <i>* Sắc lệnh về Hiệp nhất (Unitatis Redintegration) ban hành ngày 21.11.1964.</i> <i>- Ngày Cầu Nguyện Cho Ôn Thiên Triệu cử hành vào CN IV PS.</i>		
1965		<i>* Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám mục trong Giáo hội (Christus Dominus) ban hành ngày 28.10.1965.</i> <i>* Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu (Perfectae Caritatis) ban hành ngày 28.10.1965.</i> <i>* Sắc lệnh về đào tạo Linh mục (Optatam Totius) ban hành ngày 28.10.1965.</i> <i>* Tuyên ngôn về giáo dục Kitô giáo (Gravissimum Educationis) ban hành ngày 28.10.1965.</i>		

		<p>* <i>Tuyên ngôn về Liên lạc của Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo (Nostra Aetate)</i> ban hành ngày 28.10.1965.</p> <p>* <i>Hiến chế Tín lý về Mạc khải của Thiên Chúa (Dei Verbum)</i> ban hành ngày 18.11.1965.</p> <p>* <i>Sắc lệnh về Tông đồ giáo dân (Apostolicam Actuositatem)</i> ban hành ngày 18.11.1965.</p> <p>* <i>Tuyên ngôn về Tự do tôn giáo (Dignitatis Humanae)</i> ban hành ngày 7.12.1965.</p> <p>* <i>Sắc lệnh về Hoạt động truyền giáo của Giáo hội (Ad Gentes)</i> ban hành ngày 7.12.1965.</p> <p>* <i>Sắc lệnh về Thừa tác vụ và Đời sống linh mục (Presbyterorum Ordinis)</i> ban hành ngày 7.12.1965.</p> <p>* <i>Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay (Gaudium et Spes)</i> ban hành ngày 7.12.1965.</p> <p>* <i>Thông điệp Mense Maico, kêu gọi giáo dân chạy đến cùng Maria, Nữ vương Hòa Bình, tha thiết xin Mẹ ban hòa bình thế giới, 30.4.1965.</i></p> <p>* <i>Thông điệp Mysterium Fidei - Mầu nhiệm đức tin, về giáo lý và sự phụng tự Thánh Thể, 3.9.1965.</i></p> <p>- Thành lập Giáo phận Phú Cường và Xuân Lộc.</p> <p>- Chính thức cho phép các nghi thức thờ kính ông bà tổ tiên.</p> <p>- <i>Thượng Hội đồng Giám mục (THĐGM) là một thể chế định kỳ được thiết lập qua Tự sắc Apostolica Sollicitudo, 15.9.1965.</i></p>		
1967		<p>Thành lập Giáo phận Ban Mê Thuật (22.6).</p> <p>- <i>Tông hiến Indulgentiarum Doctrina: Tông hiến về giáo lý các ân xá, 1.1.1967.</i></p>		

		<p>* Thông điệp Polorum Progressio - Sự phát triển kinh tế và văn hóa của các dân tộc, 26.3.1967.</p> <p>- Ngày Truyền thông Thế giới lần đầu tiên được cử hành trong toàn Giáo Hội Công giáo vào ngày 7.5.1967.</p> <p>+ THĐGM Chung thường lệ I: “Sự bảo tồn và tăng trưởng đức tin Công giáo, sự toàn vẹn, sức mạnh và phát triển, sự liên kết có tính lịch sử và đạo lý của đức tin này”, 29.9 - 29.10.1967.</p>		
1968		<p>- Thành lập Ngày Thế giới Hòa bình - World Day of Peace, 1.1.</p> <p>* Thông điệp Humanae Vitae - Sự Sống Con người, 7-1968.</p> <p>- Đức Mẹ hiện ra tại Zeitoun, Le Caire (Ai Cập, 1968 - 1970).</p>		
1969		<p>+ THĐGM Chung ngoại lệ I: “Sự hợp tác giữa Toà Thánh và các Hội đồng Giám mục”, 11-28.10.1969.</p>		
1971		<p>+ THĐGM Chung thường lệ II: “Chức linh mục thừa tác và công bình trong thế giới”, 30.9 đến 6.11.1971.</p>		
1972		<p>Đấng Đáng Kính William Gagnon, dòng tu sĩ Cứu Tế Việt Nam, (16.5.1905 - 28.3.1972).</p>		
1974		<p>* Tông Huấn Marialis Cultus - Về việc tôn kính Đức Maria trong Giáo Hội, 22.03.1974.</p>		

		+ THĐGM Chung thường lệ III: “ Loan báo Tin Mừng trong thế giới hiện đại ”, 27.9 - 26.10.1974.		
1973		Đức Mẹ hiện ra tại Akita (Nhật, 1973-1981).		
1975		Thành lập Giáo phận Phan Thiết (31.1). - <i>Cử hành Năm Thánh 1975: Canh tân & Hòa Giải</i> (26). - <i>Tông Huấn Evangelii Nuntiandi - Loan Báo Tin Mừng</i> , 8.12.1975.	Thông nhất đất nước (30.4).	
1976		Đức Hồng y tiên khởi Giuse Maria Trịnh Như Khuê . Đức Mẹ hiện ra tại Bêtania (Venezuela, 1976 - 1988).		
1977		+ THĐGM Chung thường lệ IV: “ Giáo lý trong thời đại chúng ta ”, 30.9 đến 29.10.1977.		
1978	Đgh Gioan Phaolô I Ý. 26.8.1978 - 28.9.1978. Thánh Gioan Phaolô II Balan. 16.10.1978 - 2.4.2005.			

1979		<p>Đức Hồng y Giuse Trịnh Văn Căn.</p> <p>* Thông điệp Redemptor Hominis - Đấng Cứu Chuộc con người, 4.3.1979.</p> <p>- Tông huấn Catechesi Tradendae - Dạy Giáo lý, 16.10.1979.</p> <p>- THĐGM Đặc biệt dành cho Hà Lan: “Tình trạng mục vụ của Hà Lan”, 14 - 31.12.1979.</p>		
1980		<p>(24/04 - 1/05) Đại Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đầu tiên họp tại Hà Nội. HĐGM đã ra thư chung “Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.</p> <p>+ THĐGM Chung thường lệ V: “Gia đình Kitô giáo”, 26.9 - 25.10.1980.</p> <p>* Thông điệp Dives in Misericordia - Đấng giàu lòng nhân từ, 30.11.1980.</p>		
1981		<p>- Đức Giáo Hoàng bị mưu sát ngày 13.5.1981 bởi Mehmet Ali Ağca.</p> <p>* Thông điệp Laborem Excercens - Lao Động Con Người, 14.9.1981.</p> <p>- Tông Huấn Familiaris Consortio - Cơ cấu gia đình, 22-11-1981.</p> <p>- Đức Mẹ Mễ Du (Medjugorje) tỉnh Mostar, nước Bosnia và Hercegovina (24.6.1981- ...).</p> <p>- Đức Mẹ hiện ra tại Kibeho (Rwanda, 1981 - 1986).</p>		

1983		<p>- Cử hành Năm Thánh ngoại thường đánh dấu biến cố Đức Giêsu đã chết cho nhân loại cách 1.950 năm (27). - Công bố bộ Giáo Luật mới, 25.1.1983. + THĐGM Chung thường lệ VI: “Thống Hối và Hoà Giải Trong Sứ Vụ Linh Mục”, 29.9 - 29.10.1983.</p>		
1984		<p>- Thành lập Ngày Giới trẻ Thế giới hằng năm mừng vào ngày Lễ Lá. - Tông huấn Reconciliatio et Paenitentia - Hoà Giải và Thống Hối, 2.12.1984.</p>		
1985		<p>* Thông điệp Slavorum Apostoli - Tông Đồ của Dân tộc Slavô, về hai thánh Cyrillô và Mêtôdiô, 2.6.1985. + THĐGM Chung ngoại lệ II: “Kỷ niệm 20 năm bế mạc Công đồng Chung Vatican II”, 24.11 đến 8.12.1985.</p>		
1986		<p>* Thông Điệp Dominum et vivificantem - Chúa và là Đấng ban sự sống (về Chúa Thánh Thần), 8.5.1986.</p>		
1987 - 1988		<p>Các Đại Chủng Viện Sài Gòn, Hà Nội, Cần Thơ, Vinh Thanh, Nha Trang và Huế được lần lượt khai giảng. * Thông điệp Redemptoris Mater - Mẹ Đấng Cứu Thế, 25.3.1987. - Năm Thánh Mẫu.</p>		

		<p>+ THĐGM Chung thường lệ VII: “On gọi và sứ vụ của người giáo dân trong Giáo Hội và trong thế giới”, 1.10 - 8.12.1987. * Thông điệp <i>Sollicitudo rei socialis</i> - Quan Tâm của Giáo Hội về Vấn Đề Xã Hội, 30.12.1987.</p>		
1988		<p>(19/06) Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tuyên phong 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam.</p> <p>- Tông Thư <i>Mulieris Dignitatem</i> - Phẩm Vị của Nữ Giới, 15.8.1988. - Tông huấn <i>Christifideles laici</i> - Kitô-hữu Giáo Dân, 30.12.1988.</p>		
1989		<p>(01-13/07) Đức Hồng Y Roger Etchegaray đến thăm Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một viên chức cao cấp của Tòa Thánh đến thăm Việt Nam kể từ năm 1975.</p>		
1990		<p>+ THĐGM Chung thường lệ VIII: “Đào Tạo các Linh Mục trong hoàn cảnh hiện tại”, 30.9 - 28.10.1990. * Thông Điệp <i>Redemptoris Missio</i> - Sứ Vụ Đấng Cứu Thế, 7.12.1990.</p>		
1991		<p>(25/09) Mẹ Teresa Calcutta đến thăm Việt Nam. * Thông điệp <i>Centesimus Annus</i> - Bách Niên - Kỷ niệm 100 năm ban hành thông điệp Tân Sứ, 1.5.1991.</p>		

		<p>- THĐGM Đặc biệt dành cho Châu Âu: “Để chúng ta có thể làm chứng nhân cho Chúa Kitô, Đấng giải phóng chúng ta”, 28.11 -14.12.1991.</p>		
1992		<p>- Khởi xướng ngày Quốc Tế cầu nguyện cho Bệnh Nhân hàng năm vào lễ Đức Mẹ Lộ Đức, 11.2. - Sách Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo. - Tông huấn Pastores dabo vobis - Những Mục tử như lòng mong ước, 25.3.1992. - Những Lời Xin Lỗi của ĐGH Gioan Phaolô II.</p>		
1993		<p>- Bản Dịch Kinh Thánh của nhóm phiên dịch CGKPV được phát hành. - (18/10) Hội nghị Thường Niên của Hội Đồng Giám Mục họp lần đầu tiên tại Tp. HCM. * Thông điệp Veritatis Splendor - Ánh Sáng Sự Thật, 6.8.1993. * Chỉ dẫn dành cho giáo lý viên của Bộ Rao Giảng Phúc Âm Các Dân Tộc.</p>		
1994		<p>Đức Hồng y Phaolô Phạm Đình Tụng. - Tác phẩm “Bước qua ngưỡng cửa Hy vọng”, 10.1994. * Tông thư Tiến Đến Thiên Niên Kỷ Thứ Ba – Tertio Millennio Adveniente, 10.11.1994. + THĐGM Chung thường lệ IX: “Đời sống Thánh hiến và vai trò của nó trong Giáo Hội và trong thế giới”, 2 - 29.10.1994.</p>		

1995		<p>* Thông điệp <i>Evangelium Vitae</i> - Tin mừng về Sự Sống, 25.3.1995.</p> <p>* Thông điệp <i>Ut Unum Sint</i> - Để Chúng Nên Một, 25.5.1995.</p> <p>- THĐGM Đặc biệt dành cho Liban: “Chúa Kitô là niềm hy vọng của chúng ta: được Chúa Thánh Thần canh tân, chúng ta làm chứng cho tình yêu của Người trong sự đoàn kết”, 26.11 - 14.12.1995.</p>		
1996		<p>- Tông Huấn <i>Vita Consecrata</i> - Đời Sống Thánh Hiến, 25.3.1996 .</p> <p>- Tác phẩm “Hồng ân và Mẫu nhiệm: kỷ niệm 50 linh mục”, 11.1996.</p> <p>- Thành lập Ngày Đời Sống Thánh Hiến.</p>		
1997		<p>- Ngày 24.3.1997, khai trương địa chỉ Internet của Tòa Thánh.</p> <p>- Hướng Dẫn Tổng Quát Về Việc Dạy Giáo Lý của Bộ Giáo Sĩ.</p> <p>- Tông huấn Một niềm hy vọng mới cho Liban, 10.5.1997.</p> <p>+ THĐGM Đặc biệt dành cho Châu Mỹ: “Gặp gỡ Đức Kitô hằng sống: Con đường dẫn tới hoán cải, hiệp thông và đoàn kết tại châu Mỹ”, 16.11 - 12.12.1997.</p>		
1998		<p>+ THĐGM Đặc biệt dành cho Châu Á: Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ, sứ vụ tình yêu và phục vụ của Người ở châu Á: Ta đến để chúng được sống và được sống đời đời, 19.4 - 14.5.1998.</p>		

		<p>Đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận được bổ nhiệm làm chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình.</p> <p><i>* Thông điệp Fides et Ratio - Đức Tin và Lý Trí, 14.9.1998.</i></p> <p>+ THĐGM Đặc biệt dành cho Châu Đại Dương: “Đức Giêsu Kitô và các dân tộc ở Châu Đại Dương: bước đi con đường của Người, loan báo chân lý Người và sống sự sống của Người”, 12.11 - 12.12.1998.</p>		
1999		<p>- Tông huấn Ecclesia in America - Giáo Hội tại Châu Mỹ, 22.1.1999.</p> <p>- Tông huấn Ecclesia in Asia - Giáo Hội tại Á Châu, 6.11.1999.</p> <p>+ THĐGM Đặc biệt II dành cho Châu Âu: “Chúa Giêsu Kitô, sống động trong GH của Người, nguồn hy vọng cho châu Âu”, 1.10 -23.10.1999.</p>		
		THẾ KỶ 21		
2000		<p>- Cử hành Đại Năm Thánh 2000: Thiên Chúa Ba Ngôi, Bí Tích Thánh Thể và sự hiệp nhất (28).</p> <p>Thầy giảng Anrê Phú Yên được tôn phong chân phước.</p>		
2001		Đức hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận .		

		<p>+ THĐGM Chung thường lệ X: “Giám mục: Thừa tác viên của Tin Mừng Đức Giêsu Kitô, phục vụ niềm hy vọng thế giới”, 30.9 -27.10.2001.</p>		
2002		<p>- (14-23.01) Đoàn Giám mục Việt Nam, 24 vị, đi “Ad limina”.</p> <p>- ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1928-2002) qua đời .</p> <p>- <i>Tông thư Rosarium Vigilis Mariae - Kinh Rất Thánh Mân Côi. ĐTC thêm vào Năm Mầu Nhiệm Sự Sáng và công bố Năm Mân Côi (từ 10.2002 - 10.2003).</i></p>		
2003		<p>- Đức Thánh Cha bổ nhiệm Sứ Thần Tòa Thánh người Việt Nam đầu tiên tại Togo và Benin (Phi Châu): Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Tốt.</p> <p>- Năm Thánh Truyền Giáo ghi dấu 470 năm Tin Mừng được loan báo trên quê hương Việt Nam (1533-2003).</p> <p>- Đức Hồng y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn.</p> <p>- “Trittico romano” - những bài suy niệm dưới hình thức thơ văn, 3.2003.</p> <p>* <i>Thông Điệp Ecclesia de Eucharistia - Bí tích Thánh Thể trong mối tương quan với Giáo Hội</i>, 17.4.2003.</p> <p>* <i>Tông huấn Pastores Gregis - Những mục tử của đàn chiên</i>, 16.10.2003.</p> <p>- <i>Tông Thư về cuốn “Luận Về Lòng Thành Thực Sùng Kính Đức Trinh Nữ”</i>, 8.12.2003.</p>		

2004		<i>Tác phẩm “Hãy đứng dậy, chúng ta cùng đi!”, 5.2004.</i>		
2005	Đgh Biên Đức XVI 19.4.2005 - 28.2.2013.	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Giáo phận Bà Rịa tách từ Gp. Xuân Lộc. - Đại Chủng Viện Thánh Giuse Xuân Lộc được khai giảng. - <i>Tác phẩm “Ký ỨC và Căn tính” của Đức Gioan Phaolô II, 2.2005.</i> - <i>Toát Yếu Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo, 20.3.2005</i> + <i>THĐGM Chung thường lệ XI: “Thánh Thể: Suối nguồn và Đỉnh điểm của Đời sống và Sứ mạng của Giáo Hội”, 2-23.10.2005.</i> * <i>Thông điệp Deus Caritas Est - Thiên Chúa Là Tình Yêu, 25.12.2005.</i> 	ĐGH Gioan Phaolô II qua đời tại Vatican ngày 02.4.2005.	
2007		<ul style="list-style-type: none"> * <i>Tông huấn Sacramentum Caritatis - Bí tích Bác ái, 20.2.2007.</i> - <i>Tông Thư Bác Ái, Hiệp Nhất và Sự Thật - Về Trung Quốc, 27.5.2007.</i> 		
2008		<p>Nhà thờ Phú Nhai được nâng lên Vương Cung Thánh Đường.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>THĐGM Chung thường lệ XII: “Ngôi Lời Thiên Chúa trong đời sống và sứ mạng của Giáo Hội”, 5-26.10.2008.</i> - <i>Huấn thị Dignitas Personae - Phẩm Giá Con Người của Bộ Giáo Lý Đức Tin, 8.9.2008</i> 		

2009		<p>* <i>Thông Điệp Caritas In Veritate - Bác Ái Trong Chân Lý</i>, 29.6.2009.</p> <p>+ <i>THĐGM Đặc biệt lần II dành cho Châu Phi: “Hội Thánh tại châu Phi phục vụ sự hoà giải, công lý và hoà bình”</i>, 5-25.10.2009.</p>		
2010		<p>- Năm thánh kỷ niệm 350 năm thành lập hai Giáo phận: Đàng Ngoài và Đàng Trong; kỷ niệm 50 năm thành lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam.</p> <p>+ <i>THĐGM Đặc biệt dành cho vùng Trung Đông: “GHCG trong vùng Trung Đông: hiệp thông và bằng chứng”</i>, 10-24.10.2010.</p> <p>- <i>Tông huấn Verbum Domini - Ngôi Lời Thiên Chúa</i>, 30.10.2010.</p>		
2011		<p>- Ngày 13/11 Tổng Giám mục Leoondo Girelli được đặt làm Đại diện Tòa Thánh không thường trú tại Việt Nam.</p> <p>- Nhà thờ Sở Kiện được nâng lên Vương Cung Thánh Đường.</p> <p>- <i>YouCat</i>, 8.2011.</p> <p>* <i>Tông huấn Africae Munus - Sứ mạng của Châu Phi</i>, 19.11.2011.</p>		
2012		<p>(10-16/12) Liên HĐGM Á Châu (FABC) lần thứ X được tổ chức tại Gp. Xuân Lộc và Tp. HCM.</p>		

		<p>- Tông thư - Tự sắc Porta Fidei công bố Năm Đức Tin 2012 - 2013.</p> <p>* Tông huấn Ecclesia in Medio Oriente - Giáo Hội ở Trung Đông, 9.9.2012.</p> <p>+ THĐGM Chung thường lệ XIII: “Tân Phúc Âm hoá để thông truyền đức tin Kitô”, 7-28.10.2012.</p>		
2013	Đgh Phanxicô (13.3.2013 -).	<p>* Năm Đức Tin.</p> <p>* Thông điệp Lumen Fidei - Ánh Sáng Đức Tin, 29.6.2013.</p> <p>- Tông huấn Evangelii Gaudium - Niềm Vui Tin mừng, 24.11.2013.</p> <p>- Đại Hội Giáo lý quốc tế lần I, 26 - 29.9.2013.</p>	Đức Giáo Hoàng Biển Đức XVI thoái vị ngày 28 tháng 2 năm 2013.	
2014		<p>- Tông thư Gửi tất cả các người tận hiến Nhân dịp Năm Đồi sống thánh hiến, 21.11.2014.</p> <p>+ THĐGM Chung ngoại lệ III: “Các thách đố mục vụ về gia đình trong bối cảnh truyền bá Phúc Âm Hóa”, 5 - 19.10.2014.</p>		
2015		<p>Đức Hồng y Phêrô Nguyễn Văn Nhơn. Đây là vị Hồng y thứ sáu của GHCGVN.</p> <p>* Thông điệp LAUDATO SI' - Chúc tụng Chúa, 24.5.2015.</p> <p>- Thiết lập Ngày Thế Giới cầu nguyện cho việc bảo vệ thiên nhiên cử hành vào ngày 1-9.</p> <p>+ THĐGM Chung thường lệ XIV: “Ơn gọi và sứ vụ của gia đình trong Giáo hội và trong thế giới ngày nay”, 4 - 25.10.2015.</p>		

2016		<p>- Cử hành Năm Thánh Ngoại thường về Lòng Thương Xót (29). - Tông Huấn <i>Amoris Laetitia</i> - Niềm Vui Yêu Thương, 19.3.2016 - <i>DoCat (Do Catechism)</i>.</p>		
2017		<p>Hướng Dẫn Tổng Quát Việc Dạy Giáo Lý Tại Việt Nam. UBGL Đức Tin. - Thành lập Ngày Thế Giới người nghèo cử hành vào Chúa nhật thứ 33 tn.</p>		
2018		<p>- Năm Thánh Tôn Vinh Các Thánh Tử đạo VN (19.6 - 24.11.2018). - Đức Tổng Giám mục Marek Zaleski được đặt làm Đại diện Tòa Thánh không thường trú tại Việt Nam. - Thành lập lễ Nhớ Đức Trinh Nữ Maria Mẹ Hội Thánh, cử hành vào thứ hai sau lễ Hiện Xuống. - Tông huấn <i>Gaudete et Exsultate</i> - Hãy vui mừng hoan hỉ. - <i>Youcat for Kids</i>. - Đại Hội Giáo lý quốc tế lần II, 20-23.9.2018. + THĐGM Chung thường lệ XV: “Đức Tin, Tuổi Trẻ và Phân Định Ôn Gọi”, 3-28.10.2018.</p>		

		<p>Giáo Hội toàn cầu tính đến 31.12.2015 Dân số: 7.250.000.000 người. Công giáo: 1.285.000.000 tín hữu. Giám mục: 5.304 vị. Linh mục: 415.656 vị. Phó tế vĩnh viễn: 45.255 vị. Tu sĩ nam nữ: 54.230 vị. Giáo lý viên: 351.797 người. Đại chủng sinh: 104.351 người.</p>		
		<p>Giáo Hội Việt Nam tính đến 31.12.2015 Dân số: 95.340.779 người. Công giáo: 6.756.303 tín hữu. Giáo phận: 26. Giám mục: 45 vị. Linh mục: 5431 vị. Tu sĩ nam nữ: 19.591 vị. Giáo lý viên: 66.624 người. Đại chủng sinh: 4854 người.</p>		
		<p>Giáo phận Ban Mê Thuột tính đến 5.2017 Diện tích: 24.474,85 km². Dân số: 2.954.111 người. Giáo xứ: 106. Giáo dân kinh: 445.000 tín hữu, Giáo dân sắc tộc: 91.000 tín hữu, Linh mục triều: 138 vị, Linh mục dòng: 29 vị. Tu sĩ nam nữ: 649 vị. Giáo lý viên: 3.972 người. Đại chủng sinh: 99 người. Bồn mạng: Các Thánh Tử đạo VN. Ngày mừng: 22.6. Giám mục: Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản (12.5.2009 - ...)</p>		

Độc lịch sử Giáo Hội Việt nam, người công giáo rất tự hào về vị trí của mình. Để mang tình yêu của Chúa Kitô đến với anh chị em của mình, các nhà truyền giáo, đã tìm đủ mọi cách để người tín hữu hiểu và yêu mến Chúa Kitô. Với lòng nhiệt thành, sự hiểu biết và niềm say mê mang Tin mừng đến với mọi người, các ngài đã sáng tạo ra một ngôn ngữ mới: đó là chữ Quốc ngữ. Cám ơn các nhà truyền giáo, cám ơn các vị tiên nhân đã cộng tác hình thành và phát triển chữ Quốc ngữ, để ngày nay, chúng con có một ngôn ngữ tuyệt vời với những lời kinh nguyện thấm thiết tình yêu dâng lên Thiên Chúa và thấm đẫm yêu thương anh chị em trong giao tiếp hằng ngày của người con dân Việt.

Gb. Nguyễn Thái Hùng
Năm Thánh Tôn Vinh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam.
10.2018

Phần III

1. Các Thánh Tử Đạo Việt Nam

Các thánh tử đạo Việt Nam là danh sách những [tín hữu Công giáo người Việt](#) hoặc [thừa sai](#) ngoại quốc được [Giáo hội Công giáo Rôma tuyên thánh](#) với lý do [tử đạo](#). Trong lịch sử [Công giáo tại Việt Nam](#), ước tính có đến hàng trăm ngàn người đã tử vì đạo để làm chứng cho đức tin [Kitô giáo](#). Trong số đó có 117 vị đã được Đức [Giáo hoàng Gioan Phaolô II](#) tuyên [Thánh](#) vào ngày [19 tháng 6](#) năm [1988](#), và [Anrê Phú Yên](#) được tuyên [Chân phước](#) ngày [5 tháng 3](#) năm [2000](#).

Ngày lễ kính chung cho các thánh tử đạo Việt Nam là ngày [24 tháng 11](#) và ngày Chúa nhật thứ 33 [Mùa Thường niên](#).

Theo quốc tịch, 117 Thánh Tử đạo Việt Nam được chia ra như sau:

- 11 vị gốc [Tây Ban Nha](#): 6 [giám mục](#) và 5 linh mục [dòng Đa Minh](#),
- 10 vị gốc [Pháp](#): 2 [giám mục](#) và 8 linh mục thuộc [Hội Thừa sai Paris](#),
- 96 vị [người Việt](#): 37 linh mục và 59 giáo dân - trong đó có 14 thầy giảng, 1 chủng sinh và một phụ nữ là bà Anê Lê Thị Thành.

Theo Việt sử, các vị này đã bị giết trong những đời vua chúa sau đây:

- 2 vị dưới thời chúa [Trinh Doanh](#) (1740-1767),
- 2 vị dưới thời chúa [Trinh Sâm](#) (1767-1782),
- 2 vị do sắc lệnh của vua [Cảnh Thịnh](#) (1782-1802),
- 58 vị dưới thời vua [Minh Mạng](#) (1820-1841),
- 3 vị dưới thời vua [Thiệu Trị](#) (1841-1847),
- 50 vị dưới thời vua [Tự Đức](#) (1847-1883).

Trong [thế kỷ 18](#) và [19](#), có khoảng từ 130 ngàn đến 300 ngàn người [Công giáo](#) đã chết vì đạo; riêng trong thời gian từ [1857](#) đến [1862](#), có khoảng 5 nghìn tín hữu bị giết, khoảng 40 nghìn tín hữu cùng 215 giáo sĩ, tu sĩ nam nữ đã bị bắt, bỏ tù hay lưu đày vì đạo trong số đó có 117 vị, tử đạo từ 1745 đến 1862, được [Giáo hội Công giáo Rôma](#) tôn vinh [Chân phước](#) qua bốn đợt:

- Ngày [27 tháng 5](#) năm [1900](#) (thời Đức [Giáo hoàng Lêô XIII](#)): 64 vị
- Ngày [20 tháng 5](#) năm [1906](#) (thời Đức [Giáo hoàng Piô X](#)): 8 vị
- Ngày [2 tháng 5](#) năm [1909](#) (thời Đức [Giáo hoàng Piô X](#)): 20 vị
- Ngày [29 tháng 4](#) năm [1951](#) (thời Đức [Giáo hoàng Piô XII](#)): 25 vị

Họ được tuyên [Thánh](#) vào ngày [19 tháng 6](#) năm [1988](#).

https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_th%C3%A1nh_t%E1%BB%AD_%C4%91%E1%BA%A1o_Vi_%E1%BB%87t_Nam

2. Giáo Hội Việt Nam

Những thời kỳ bị bách hại và những sắc chỉ cấm đạo

Giáo Hội Việt Nam: Những thời kỳ bị bách hại và những sắc chỉ cấm đạo.

Cánh đồng truyền giáo trên đất Việt Nam đã được Thiên Chúa ban cho cách dồi dào ngay từ khi mới nhận hạt giống đức Tin, và do đã được thấm nhuần bằng nhiều máu các vị Tử Đạo, xuất thân trong hàng giáo sĩ ngoại quốc cũng như trong hàng giáo sĩ bản xứ và trong Cộng đoàn giáo dân Việt Nam. Lời nhận xét của Tertuliano xưa đã thành như ngạn ngữ bất di bất dịch ngàn đời: “Sanguis Martyrum, semen Christianorum: Máu các vị Tử Đạo là hạt giống sinh nhiều giáo hữu”. Tất cả các vị đã chung vai sát cánh trong lao khổ, trong hy sinh vun trồng thì cũng sát cánh trong cái chết vô cùng anh dũng để làm chứng tá cho Chúa Kitô: “Không có tình yêu nào lớn hơn sự hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu” (Gioan 15,13).

Thời kỳ mới khai nguyên một số nhà truyền giáo đã chiếm được cảm tình nơi nhiều vị cầm quyền Việt Nam:

Thực tình mà nói, trong thời kỳ mới khai nguyên một số nhà truyền giáo đã chiếm được cảm tình nơi nhiều vị cầm quyền Việt Nam hồi xưa. Lịch sử còn ghi:

- Năm 1591 Giáo sĩ Ordeonez de Cevallos dạy giáo lý và làm phép Thánh Tẩy cho Công Chúa Mai Hoa (Phiên âm từ Maria): Công Chúa Mai Hoa là chị của Hoàng Tử Lê Thái Tông.

- Năm 1624, tại Thuận Hóa, Giáo sĩ De Pina dạy giáo lý và chuẩn bị cho bà Minh Đức Vương Thái Phi (1568-1648), vợ của chúa Nguyễn Hoàng, và cha Đắc Lộ làm phép Thánh Tẩy cho bà với thánh hiệu Maria Madalena.

- Linh mục Đắc Lộ, năm 1627 tới thủ đô Kẻ Chợ (Hà Nội), đã được tiếp kiến chúa Trịnh Tráng hồi đó xưng hiệu là Thanh Đô Vương. Trong quãng thời gian ở tại thủ đô, ngài đã khuyên được em gái chúa Trịnh Tráng trở lại đạo Công Giáo mang thánh hiệu là Catarina còn chính chúa Thanh Đô Vương cho phép ngài lập nhà thờ bên cạnh đền vua.

- Thời Võ Vương (Nguyễn Phúc Khoát) 1725-1765: bên cạnh chúa vẫn có một Linh Mục dòng Tên làm bác sĩ và dạy toán học.

Nhưng chính những thành quả kể trên đồng thời cũng là cơ hội gây nên ghen tương, hiểu lầm, vì sự kiện giáo dân càng ngày càng phát triển đông đúc, trước sự nhận xét vội vàng và đa nghi của một số vua chúa, quan lại và cả giới Tăng Ni, có nghĩa là sợ mất đi một phần thần dân, một phần ảnh hưởng, một phần tìn đồ. Thêm vào đó giáo lý của đạo Công Giáo đem tới có vẻ quá nghiêm khắc và bị lên án là gây xáo trộn trật tự xã hội, thí dụ trong gia đình, theo giáo lý Thiên Chúa, là chỉ có nhất phu nhất phụ, chứ không thể dung thứ, hay cho phép bảo tồn chế độ đa thê, tì thiếp, nàng hầu, là những sự kiện rất thịnh hành trong triều đình, trong giới quan lại, trong giai cấp thượng lưu giàu sang của thời xa xưa.

Những cuộc bách hại khởi xướng bằng những lý do mang nặng thành kiến:

Lúc ban đầu một số những cuộc bách hại khởi xướng bằng những lý do lu mờ và có thể nói là mang nặng thành kiến. Thí dụ:

Trong Nam, hai lần lệnh cấm đạo được ban hành: năm 1617 dưới thời chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên, 1615-1635) nhân vụ hạn hán, và năm 1663 dưới thời chúa Hiền Vương (Nguyễn Phúc Tần, 1648-1667) nhân cơ hội một trận bão lụt, các Thầy Tăng Ni giải thích rằng: sự có mặt của tây phương đạo trưởng và sự kiện nhiều người tin theo đạo mới làm cho các vị Thần Phật bất mãn, do đó mà không cho mưa xuống, hay đã khiến dòng nước dâng cao làm thiệt hại mùa màng!

Nhưng về sau, trong những cuộc bách hại đẫm máu, mới dần dần hiện rõ lý do chính thức tôn giáo: Sở dĩ là vì chính quyền thời đó ra mặt chống đối bài bác bất bớ Thiên Chúa Giáo, hành quyết những vị Thừa sai ngoại quốc hay linh mục, giáo dân bản xứ và tìm cách tiêu diệt đạo Chúa, nói theo danh từ chuyên môn, là vì “hận thù tín ngưỡng: odium fidei”. Tín ngưỡng nói đây là niềm xác tín sâu xa vào Thiên Chúa, sự tôn thờ Ngài là đấng Tạo dựng muôn loài, là vị Cứu tinh nhân loại và là Thấm phán tối cao. Và chỉ khi nào chết vì tín ngưỡng, nghĩa là thà chết để chứng minh lòng mình trung kiên với Thiên Chúa, lúc đó cái chết mới cao cả, mới là lý tưởng bất diệt của con người: trước mặt Giáo hội hoàn vũ, cái chết này mới đáng tuyên dương và được đề cao làm mô phạm cho toàn dân Thiên Chúa.

Những sắc chỉ cấm đạo:

Lịch sử Giáo Hội Việt Nam ghi nhớ tất cả 53 Sắc chỉ chính thức do các chúa (hai dòng họ Trịnh, Nguyễn: trong Nam ngoài Bắc), do nhà Tây Sơn và do các vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức ban hành nhằm khai trừ và tiêu diệt đạo Thiên Chúa.

1. Trong Nam: dưới thời các chúa Nguyễn (1615-1778): 8 Sắc chỉ:

- Chúa Sãi (Nguyễn Phước Nguyên, 1615) Sắc chỉ năm 1625.
- Chúa Thượng (Nguyễn Phước Lan, 1635-1648) Sắc chỉ năm 1639 và 1644.
- Chúa Hiền Vương (Nguyễn Phước Tần, 1648-1687) Sắc chỉ năm 1663 và 1665.
- Chúa Ngãi Vương (Nguyễn Phước Trân, 1687-1691) Sắc chỉ năm 1691.
- Chúa Minh Vương (Nguyễn Phước Chu, 1691-1725) Sắc chỉ năm 1700.
- Chúa Võ Vương (Nguyễn Phước Khoát, 1725-1765) Sắc chỉ năm 1725.

Cuộc bách hại dữ nhất vào năm 1665 là vì có người vu khống cho rằng: tượng ảnh Thánh Giá là hình ảnh vua Bồ Đào Nha, do đó người theo đạo tức khắc là con dân của đế quốc Bồ. Chúa Hiền Vương nổi giận trục xuất hết mọi vị Thừa sai và sát hại dân lành, nhất là vào hai tháng giêng và tháng hai năm 1665: lần đầu tiên tung ba thiếu nữ (Gioana, Maria và Luxia) cho voi giầy chà!

2. Ngoài Bắc: dưới thời các chúa Trịnh (1627-1786): 17 Sắc chỉ:

- Chính Trịnh Tráng (1627-1658): 5 Sắc chỉ: năm 1629 lần đầu tiên tại Bắc Việt và các năm 1632, 1635, 1638, 1643.
- Chúa Trịnh Tạc (1658-1682): 3 Sắc chỉ: năm 1658, 1663, 1669.

- Chúa Trịnh Căn (1682-1709): 1 Sắc chỉ: năm 1696.
- Chúa Trịnh Cương (1709-1729): 4 Sắc chỉ: năm 1709, 1712, 1721, 1722.
- Chúa Trịnh Giang (1729-1740): 1 Sắc chỉ: năm 1736.
- Chúa Trịnh Doanh (1740-1767): 2 Sắc chỉ: năm 1754, 1765.
- Chúa Trịnh Sâm (1767-1782): 1 Sắc chỉ: năm 1773.

Một đặc điểm: trong thời các chúa Trịnh Cương và Trịnh Giang, Dòng Tên đã đóng góp xương máu vào dòng giống Tử Đạo Việt Nam: Lm Messari chết rũ tù ngày 15/06/1723, và ngày 11 tháng 10 cùng năm đến lượt Lm Bucharelli bị hành quyết tại Đồng Mơ cùng với 9 Thầy giảng và Giáo dân. Năm 1736 bốn linh mục Dòng Tên khác: Alvarez, Cratz, D' Abreu, Da Cumba bị trăm quyết; 2 Thầy Việt Nam bị đánh giập đầu gối: 1 Thầy chết trong tù, còn Thầy kia bị đày chung thân biệt xứ.

3. Nhà Tây Sơn (1775-1800): Khởi nghĩa năm 1775, đóng đô tại Quy Nhơn:

Miền Nam: 3 Sắc chỉ: bắt đầu 1779.

- Vua Thái Đức: năm 1785.
- Vua Cảnh Thịnh: năm 1798.

Miền Bắc: năm 1786 Tây Sơn kéo quân ra chinh phục miền Bắc: 3 Sắc chỉ:

- Quan Thái Sư Bùi Đắc Tuyên: 2 Sắc chỉ: năm 1795: ngày 7/01/1795 và 24/01/1795.
- Khâm Sai Bắc Việt Ngô Văn Sở: 1 Sắc chỉ: năm 1799.

Cuộc tàn sát năm 1798 ghê gớm hơn cả, vì đã khai diễn những màn tra tấn dã man như tẩm dầu vào các đầu ngón tay, hay đổ vào rốn, trước khi châm lửa, hoặc treo ngược đầu “tội nhân” xuống. Các cơ sở Công Giáo tại Bồ Chính, Nghệ An, Thanh Hóa (nhà thờ, nhà xứ, tu viện, trường học) đều bị cướp phá, dân chúng chạy trốn lên rừng.

4. Vua Minh Mạng (1820-1840): 7 Sắc chỉ:

Các sử gia Âu Châu khi viết về những cuộc bách hại tôn giáo tại Việt Nam thường tặng vua Minh Mạng danh xưng: “Néron của Việt Nam”, vì Hoàng đế Néron hồi xưa khét tiếng tàn bạo hung dữ trong những cuộc lùng bắt đạo Công Giáo tại thủ đô Roma và trong đế quốc La Mã. Thực ra trong tổng số 117 vị Thánh Tử Đạo Việt Nam, một nửa (58 vị) đã bị hành quyết trong vòng 20 năm nhà vua Minh Mạng cầm quyền, đặc biệt vào hai năm 1838-1839.

Cấm đạo: vua Minh Mạng cấm một cách khoa học:

- Một đảng cho lệnh tập trung về Huế tất cả các số Linh mục Thừa sai ngoại quốc. Bên ngoài nói khéo là nhà vua cần đến các vị để dịch sách ngoại ngữ ra tiếng Việt, nhưng thực ra là để cầm chân các nhà truyền đạo, không cho họ hoạt động và liên lạc với giáo đoàn. Trong khi đó chờ có cơ hội có tàu ngoại quốc cập bến là đẩy số Thừa sai này về nước, đồng thời không cho vị Thừa sai mới nào được phép nhập cảnh Việt Nam.
- Đảng khác tiêu diệt các cơ sở, các tổ chức Công Giáo địa phương, nhất là căng màn lưới kiểm soát gắt gao để lùng bắt các đạo trưởng người bản xứ.

Nhà vua đã ký 7 Sắc lệnh nghiêm cấm vào những năm 1825, 1826, 1830, 1833, 1834, 1836 và 1838. Biết trong giáo lý đạo Công Giáo có “10 điều răn” và nhiều lễ cử hành trong năm, ngày 15/07/1834, vua cho công bố một đạo luật trong đó gồm 10 khoản, lấy từ triết học Khổng Tử đem áp dụng vào xã hội Việt Nam để dạy đạo làm người. Nội dung: về cương vị con người, lương tâm ngay thẳng, tự trọng bản lĩnh, nền tảng kinh tế, thuần phong mỹ tục, giáo dục giai cấp, văn đề văn hóa, hãm dẹp tình dục, tôn trọng pháp luật và quăng đại với tha nhân. Đạo luật này được niêm yết trên khắp mọi nẻo đường, bắt dân chúng phải học tập và tuân hành. Mong của nhà vua là để cho đầu óc người dân khỏi bị tiêm nhiễm các thứ giáo lý ngoại bang, riêng với người Công Giáo là để thay thế cho 10 giới răn đạo Chúa.

Ngoài ra các Quan trong nước làm hai Kiến nghị (năm 1826 và 1830) yêu cầu nhà vua thẳng tay tiêu diệt đạo trưởng Thiên Chúa Giáo bằng án tử hình, viện cứ rằng: các vị Thừa sai tổ chức từng xứ đạo, có nghĩa là chia nước ra thành nhiều địa hạt chỉ huy như một chính quyền và giáo dân triệt để tuân theo. Những vụ tàn sát ở Nghệ An, ở làng Dương Sơn: Linh mục, giáo dân bị bắt, bị xử! Nhất là tại Nam Định do bàn tay khát máu của Thống Đốc Trịnh Quang Khanh. Cuối năm 1837 ông bị nhà vua triệu về Kinh khiển trách nặng lời, vì chưa thẳng tay với Cộng đoàn Công Giáo miền Trung Châu và Duyên Hải Bắc Việt là hai địa điểm từ xưa đến nay vẫn là trung tâm Công Giáo phồn thịnh. Từ Huế trở về Nam Định, Trịnh Quang Khanh mang theo món quà 40 ảnh Thánh Giá cỡ lớn, quà của vua trao tặng, và 6 ngàn quân binh. Anh Thánh Giá được mang đặt khắp các cửa ngõ trong thành phố, hay là về sau di chuyển trong các họ đạo mỗi khi có các cuộc hành quân bách hại, trong khi đó từng ngàn quân mới được tiếp viện chạy đi bao vây khắp nơi, xua hết mọi gia đình Công Giáo ra ngoài, ép buộc họ phải bước lên ảnh Thập Giá, và bước lên ảnh Thập Giá có nghĩa là từ bỏ đạo thánh. Ba năm cuối đời Minh Mạng là những năm đau khổ nhất cho Giáo Hội Bắc Việt thời đó. Đức Giám Mục Retord, Hội Thừa Sai Paris, diễn tả: “Không thể trốn thoát được nữa, vì không còn chỗ nào tối đủ để tránh né trăm nghìn con mắt rình rập”!

5. Vua Thiệu Trị (1840-1847): 2 Sắc Lệnh:

Sang đời vua Thiệu Trị cuộc bách hại vẫn tiếp tục, nghĩa là vua vẫn để cho thi hành những sắc lệnh đã được công bố đời vua Minh Mạng, mặc dầu trong một vài địa phương đã có phần giảm độ gắt gao. Tại Phúc Nhạc (Ninh Bình) Nữ Thánh Ine Lê thị Thành (tức bà Thánh Đê, vị nữ Thánh duy nhất trong 117 Thánh Tử Đạo) bị bắt, vì can tội chứa chấp “đạo trưởng”, tức hai linh mục Thừa sai Berneux và Galy. Bà đã anh dũng xưng đạo và cam chịu mấy cuộc tra tấn dã man đến chết trong tù. Cũng như Linh Mục Phêrô Khanh bị trăm quyết năm 1842 và Thánh Mattêô Lê Văn Gẫm bị xử năm 1847. Mãi cho tới 1847, sau khi thất bại trong cuộc tranh chấp với đoàn tàu Pháp tại Cửa Hàn, vua phản ứng bằng cách đổ hết tội lỗi trên đầu người Công Giáo, và ngày 3/05/1847 vua ban hành sắc lệnh lùng bắt các linh mục Thừa Sai ngoại quốc.

6. Vua Tự Đức (1847-1883): 13 Sắc lệnh:

Nếu tính số Sắc lệnh bắt đạo, dưới thời Tự Đức lên tới 13 Sắc lệnh ký vào những năm 1848, 1851, 1855, riêng trong năm 1857: 4 Sắc lệnh; năm 1859: 3 Sắc lệnh; và năm 1860: 4 Sắc lệnh sau cùng. Nhiều lệnh như thế minh chứng ý chí nhà vua muốn tận diệt đạo Thiên Chúa bằng mọi giá, và tận diệt suốt trong 30 năm chấp chính. Chúng ta sẽ thấy nội dung những Sắc lệnh đó khủng khiếp tới mức nào!

- Đạo Công Giáo được định nghĩa không những như một “Tả Đạo” mà còn tệ hơn nữa: như một tôn giáo xấu xa “một dịch tễ” (Sắc lệnh: 7/06/1857).
- Do đó lệnh vua là các cơ quan chính quyền phải ráo riết bài trừ:
- Lệnh cho các xã ủy, cai tổng (Sắc lệnh: Tháng 5 năm 1857): Ai không tuân theo sẽ bị cách chức (Sắc lệnh 7/06/1857).
- Lệnh cho Triều đình và các quan địa phương (Sắc lệnh 24/08/1857).
- Phải bắt tất cả các tầng lớp Công Giáo:
 - Hết mọi thanh niên trên 15 tuổi phải trình diện thường xuyên theo thời gian nhất định (Lệnh 17/01/1860). Người Công Giáo, dù học giỏi, có khả năng, cũng không được bổ nhiệm giữ chức vụ nào (Sắc lệnh 18/09/1855).
 - Đặc biệt giới ngư phủ: vì họ luôn luôn di chuyển và thường là chỗ ẩn náu cho các đạo trưởng (Sắc lệnh 18/09/1855).
 - Những người chứa chấp đạo trưởng sẽ bị phân thân và buông sông (Sắc lệnh 30/03/1851).
 - Giáo dân không chịu đập lên Thánh Giá sẽ bị khắc hai chữ “Tả Đạo” trên mặt và đi đầy biệt xứ (Sắc lệnh 18/09/1855). Ai cố chấp xưng đạo: đàn ông sẽ bị cưỡng bách tòng quân, đàn bà bị tuyển làm nội trợ cho các quan (Sắc lệnh 7/06/1857).
 - Bắt các thành phần trong Hội đồng giáo xứ (Sắc lệnh tháng 10/1859).
 - Binh sĩ Công Giáo không đập ảnh Thánh Giá sẽ bị giải ngũ, bị khắc hai chữ Tả Đạo và bị đầy chung thân (Sắc lệnh Tháng 12/1859).
 - Giới Quan lại Công Giáo: cả những ai đã chối đạo cũng bị cắt chức. Những ai trung kiên sẽ bị trăm quyết (Sắc lệnh 15/12/1859).
 - Các Nữ tu: không được cấp giấy thông hành để di chuyển ngoài địa phương mình đang ở, vì họ là những liên lạc viên đặc lực. Ai không tuân lệnh sẽ bị: tù chung thân, hay làm nội trợ cho các quan (Sắc lệnh 17/01/1860 và Sắc lệnh tháng 7/1860).
 - Các Linh mục Việt Nam: đập Thánh Giá hay không đều bị phân thân để nêu gương; Ngoại quốc: bị trăm quyết, đầu phải treo luôn trong 3 ngày, rồi buông sông hay ném xuống biển (Sắc lệnh 15/09/1855).
 - Các cơ sở Công Giáo (nhà thờ, nhà xứ, tu viện, nhà trường) bị đốt phá và tiêu hủy (Sắc lệnh 18/09/1855 và Sắc lệnh 8/12/1857). Nhất là cơ sở tại Vĩnh Trị: phải bình địa hóa triệt để (Sắc lệnh 1/12/1857).
- Những khổ hình dã man nhất: **Phân sáp** (1860): gồm 5 khoản:
 - + Khoản 1: Hết mọi người theo đạo Thiên Chúa, bất cứ nam nữ, giàu nghèo, già trẻ đều bị phân tán vào các làng bên lương.
 - + Khoản 2: Tất cả các làng bên lương có trách nhiệm canh gác những tín hữu Công Giáo: cứ năm người lương canh gác một người Công Giáo.
 - + Khoản 3: Tất cả các làng Công Giáo sẽ bị phá bình địa và tiêu hủy. Ruộng đất, vườn cây, nhà cửa sẽ bị chia cho các làng bên lương lân cận, và các làng bên lương này có nhiệm vụ phải nộp thuế hằng năm cho Chính Phủ.

+ Khoản 4: Phân tán nam giới đi một tỉnh, nữ giới đi một tỉnh khác, để không còn cơ hội gặp nhau, con cái thì chia cho những gia đình bên lương nào muốn nhận nuôi.

+ Khoản 5: Trước khi phân tán, tất cả giáo dân nam nữ và trẻ con đều bị khắc trên má trái hai chữ Tả Đạo và trên má bên phải tên tổng, huyện, nơi bị giam giữ, như thế không còn cách nào trốn thoát.

Pháp luật nghiêm khắc như thế, thảo nào số người Công Giáo bị ngã gục đã lên cao: trong tổng số 117 vị Thánh Tử Đạo, 50 vị đã hy sinh mạng sống dưới đời Tự Đức!

Đọc lại trang sử rùng rợn trên đây chúng tôi tự hỏi: con người với nhau, cùng là công dân một nước, cùng nói một ngôn ngữ, cùng sống một giang sơn, cùng đóng góp nghĩa vụ chung, tại sao lại có thể tàn bạo với nhau đến thế? Những Linh Mục, Tu Sĩ, Giáo Dân Việt Nam thời xưa là những công dân tốt lành, họ truyền bá những điều hợp lý, họ sống đời sống gương mẫu, họ ăn ở lương thiện bác ái. Có những người bị bắt bớ vì tín ngưỡng, bị đeo gông cùm, nhưng nhiều lần được cả lính canh gác ngục tù cảm phục, tôn kính; nhiều lần trên pháp trường được cả những lý hình xin lỗi, thanh minh trước khi giơ tay hành quyết, tại sao họ bị bao vây tầm nã, bị đối xử dã man, tệ hơn những tội nhân phản loạn, bị coi rẻ hơn những thành phần bất hảo? Theo lý luận trần gian, sự kiện lịch sử làm cho chúng ta điên đầu không tìm ra câu giải đáp!

Nhưng rồi ngửa mặt lên nhìn vào cây Thập Giá: từ đây một ánh sáng thiêng liêng sẽ cho chúng ta nhận thấy: trong loài người ai đã thánh thiện bằng Chúa Kitô, ai đã thi ân cho nhân loại bằng Ngài: qua giáo lý Ngài công bố, qua phép lạ Ngài làm, qua đời sống trong sáng Ngài nêu cho cả thế giới? Nhưng rồi ai đã phải chết đau khổ bằng Ngài và như Ngài? Chính Chúa Giêsu hồi xưa đã tiên báo: “Thầy phải đi Giêrusalem, ở đó sẽ phải chịu nhiều đau khổ, sẽ phải tử nạn và ngày thứ ba sẽ sống lại” (Matt. 16,21). Sở dĩ Chúa đi chịu chết (và sau có phục sinh) là để: “Nhân danh Ngài sự ăn năn thống hối và ơn tha tội sẽ được lan truyền khắp nơi bắt đầu từ Giêrusalem” và Ngài trao cho các Tông Đồ sứ mệnh “làm chứng nhân về tất cả những sự kiện đó” (Luc. 24,48-68).

Tự Đức là vua sau cùng đã bách hại đạo Công Giáo, ý muốn của nhà vua là tiêu diệt tận gốc, nhưng nhà vua, cũng như các người bách hại đạo Công Giáo trên thế giới, đâu có ý thức được rằng: đạo Thiên Chúa xây đắp không phải trong ranh giới thời gian, trong lãnh vực địa dư quốc gia, nhưng là được củng cố trong lương tâm, trong tâm hồn nhân loại, làm sao mà tiêu diệt nổi? Đạo Thiên Chúa được mở rộng biên cương, được phát triển không phải bằng những phương tiện kinh tế, vật chất, binh đao, nhưng bằng một luật tiên tri siêu nhiên: “Hạt giống gieo xuống đất mà không mọc nát sẽ không sinh hoa trái, nhưng nếu mọc nát đi nó sẽ sinh nhiều hạt khác” (Gio. 12,24-25).

7. Cuộc Bách Hại do nhóm Văn Thân (1885-1886):

Chính lý ra những cuộc bách hại chấm dứt dưới thời Tự Đức, vì theo khoản 9 Hiệp Ước Giáp Tuất ký giữa Việt Nam và nước Pháp, ngày 15/03/1874, vua Tự Đức đã ký nhận “quyền tự do theo đạo và hành đạo của người Công Giáo”. Tuy nhiên lịch sử còn ghi chép: sau vua Tự Đức sự bắt bớ Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam vẫn tiếp

tục, không kém phần dữ dội tàn bạo, và diễn tiến trong hoàn cảnh rối ren khác biệt. Các vua kế vị Tự Đức:

- Hiệp Hòa lên chấp chính được 4 tháng rồi sau đó ép buộc phải uống thuốc độc quyền sinh.
- Kiến Phúc lên ngôi hồi mới 15 tuổi;
- Hàm Nghi lên kế vị lúc còn 12 tuổi:

Do đó mọi quyền điều khiển quốc sự, giữa lúc đang phải đương đầu với ngoại bang, đều nằm trong tay mấy vị đại thần: Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Kết quả đưa đến chỗ không may mắn: do hai Hiệp ước 1883 và 1884 một phần lãnh thổ Việt Nam và quyền hành cai trị quốc gia sang tay người ngoại quốc! Do đó năm 1885-1886 phong trào Văn Thân nổi dậy, lộng quyền trên khắp ba miền Nam Bắc Trung, và con vật hy sinh, một lần nữa, lại là nhân dân Công Giáo rải rác trên toàn quốc! Cuộc bách hại tàn ác vì lợi dụng hoàn cảnh “đục nước béo cò”: chỉ trong mấy năm Văn Thân, số người Công Giáo bị tàn sát vì Tín ngưỡng đã lên cao gần bằng tổng số tín hữu đã hy sinh trong hơn hai thế kỷ bách hại, từ đời các chúa Trịnh, Nguyễn, cho tới hết đời Tự Đức.

Những cuộc tàn sát thật ác liệt rùng rợn: từng lớp người, kể ra từng trăm từng ngàn, cứ mỗi lần phải qua một cơn bách hại là cứ tiếp tục ngã xuống, như những trái sung rụng trước cơn gió lộng! Người ta ước lượng: dưới thời các chúa Trịnh, Nguyễn, và Tây Sơn, chừng 30,000 giáo dân bị giết; dưới thời ba vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, chừng 40,000 tín hữu bị xử tử hay chết trong lao tù; nhưng dưới thời Văn Thân có tới trên dưới 60,000 người dân Công Giáo bị sát hại, chỉ vì là thành phần trong dân Thiên Chúa. Linh mục Đ. Trần Văn Phát, hồi xưa Tổng Quản Giáo Phận Huế, còn đi xuống những chi tiết “độ 100,000 đảng Tử Đạo: ước 58 vị Giám Mục và Linh Mục ngoại quốc, 150 vị Linh Mục Việt Nam, 340 Thầy Giảng, 1 chủng sinh, 270 Chị Dòng Mến Thánh Giá và 99,182 giáo dân”.

Hồi đó vua Cảnh Thịnh (1798) ra lệnh tàn sát các họ đạo: dân chúng, trên đường thoát nạn, bồng bế con cái chạy và ẩn nấp trong rừng La Vang, và nơi đây, theo truyền thống, được Đức Mẹ hiện ra trấn an và bảo vệ. Hồi đó Phong Trào Cần Vương đang tung hoành với khẩu hiệu “bình Tây sát Tả” (đuổi quân Tây diệt Tả Đạo) đem từng ngàn binh đội đến vây hãm tứ phía làng Trà Kiệu, nhất là từ hai ngọn đồi Bửu Châu và Kim Sơn liên tục bắn phá. Họ đạo Trà Kiệu khác nào một hòn đảo bé nhỏ nằm dưới thung lũng làm môi cho những cuộc tấn công liên tiếp 21 ngày đêm, từ 1 tới 21 tháng 9 năm 1885. Nhưng Trà Kiệu đã được một “Bà mặc áo trắng” từ trên ngọn tháp đền thờ bồng con đỡ đạn cho đám dân quân Công Giáo đang cầm cự bên trong.

(Trích tập sách Vụ Án Phong Thánh của tác giả Đức Ông Vinh Sơn Trần Ngọc Thu, xuất bản năm 1987, Hoa Kỳ)

<http://vntaiwan.catholic.org.tw/ghvienam/tudaovn4.htm>

3. Thư Công Bố Năm Thánh

Tôn Vinh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam

Anh chị em thân mến,

Ngày 19 tháng 6 năm 1988, tại quảng trường Thánh Phêrô ở Rôma, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã long trọng tuyên phong 117 vị Tử đạo tại Việt Nam lên hàng hiển thánh. Trong năm 2018, Hội Thánh Công Giáo Việt Nam hân hoan cử hành kỷ niệm 30 năm sự kiện trọng đại này. Để mừng kính Các Thánh Tử Đạo và vì ích lợi thiêng liêng của Dân Chúa, Hội đồng giám mục đã xin Tòa Ân Giải Tối Cao cho phép mở Năm Thánh và đã được chấp thuận. Với thư này, chúng tôi chính thức **công bố Năm Thánh mừng kính Các Thánh Tử Đạo Việt Nam**, bắt đầu từ ngày 19 tháng 6 năm 2018 (kỷ niệm ngày phong thánh) đến ngày 24 tháng 11 năm 2018 (Lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam).

Đề Năm Thánh đem lại nhiều ơn ích thiêng liêng cho mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đoàn và giáo xứ cũng như cho toàn thể Hội Thánh Việt Nam, chúng tôi muốn thông báo và đề nghị với anh chị em một số điều như sau:

1. Lễ khai mạc (19-6-2018) và bế mạc Năm Thánh (24-11-2018): Mỗi Giáo tỉnh sẽ quyết định cử hành ở cấp Giáo tỉnh hoặc tại mỗi Giáo phận.

Trong mỗi Giáo tỉnh, Hội đồng giám mục ấn định một Trung tâm hành hương trong Năm Thánh: Vương cung thánh đường Sở Kiện (Giáo tỉnh Hà Nội); Trung tâm hành hương Thánh Mẫu La Vang (Giáo tỉnh Huế); Trung tâm hành hương Ba Giồng thuộc Giáo phận Mỹ Tho (Giáo tỉnh Sài Gòn).

Ngoài ra, trong mỗi **Giáo phận**, Đấng Bản quyền sẽ chỉ định một nhà thờ hoặc một trung tâm làm địa điểm hành hương trong Năm Thánh.

Trong Năm Thánh, các tín hữu được hưởng **ơn toàn xá**: (1) khi tham dự Lễ Khai mạc và Bế mạc Năm Thánh; (2) khi hành hương đến các địa điểm được chỉ định. Ngoài ra, Hội Thánh khuyến khích chúng ta làm các việc lành trong Năm Thánh:

- Việc bác ái tông đồ: Thăm viếng những người đang sống trong cảnh túng nghèo quần bách, bệnh tật, tù đày, già cả, cô đơn, khuyết tật... là hành hương về với Đức Kitô (x. Mt 25, 34-36).

- Việc sám hối hi sinh: Hạn chế sử dụng và giảm bớt chi tiêu đối với những gì không cần thiết, để giúp đỡ người nghèo hoặc các công trình tôn giáo và xã hội, tham gia những việc có ích cho cộng đồng.

2. Năm Thánh 2018 mời gọi mọi tín hữu **chiêm ngắm và học hỏi gương sống đức tin của Các Thánh Tử Đạo Việt Nam.** Việc học hỏi này vừa giúp chúng ta hiểu biết hơn về lịch sử Hội Thánh và Các Thánh Tử Đạo, vừa thúc đẩy chúng ta noi theo gương sống của các ngài. Chúng tôi khuyến khích các giáo xứ, dòng tu cũng như các đoàn thể, tổ chức những buổi thuyết trình và thảo luận về Các Thánh Tử Đạo, để giúp mọi người hiểu biết, yêu mến và noi gương các ngài.

Để đồng hành với anh chị em trong việc học hỏi này, Văn phòng Hội đồng giám mục sẽ phổ biến tập sách *Hạnh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam*, ghi lại văn tắt gương sống

đức tin và cuộc tử đạo của các thánh. Ước mong tập sách nhỏ này sẽ được mọi người nhiệt tình đón nhận.

3. Năm Thánh 2018 nhắc nhở và thúc đẩy tất cả chúng ta sống tinh thần tử đạo trong môi trường hiện nay. Bằng cái chết của mình, Các Thánh Tử Đạo đã làm chứng trước mặt vua chúa, quan quyền và mọi người rằng Nước Trời là “kho tàng chôn giấu trong ruộng” và “ngọc quý vô giá” nên khi tìm được, các ngài sẵn sàng bán tất cả những gì mình có, kể cả mạng sống, để “mua thửa ruộng và ngọc quý đó” (x. Mt 13,44-46). Ngày nay, các Kitô hữu cũng được kêu gọi sống tinh thần hi sinh, từ bỏ theo bậc sống của mình để làm chứng cho Chúa và Tin Mừng Nước Trời.

Các gia đình Công giáo hãy từ bỏ những ham muốn bất chính và tính toán ích kỷ, để làm chứng rằng Tin Mừng về hôn nhân Công giáo là nẻo đường hạnh phúc. Đức Piô XII đã dạy: *“Trong một gia đình mà người chồng biết quên mình đi để nghĩ đến vợ và các con, người mẹ quên mình đi để nghĩ đến chồng và các con, các con quên mình đi để nghĩ đến cha mẹ và anh chị em, gia đình đó là Thiên đàng”*, vì gia đình đó là phản ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi.

Các anh chị em sống đời thánh hiến hãy từ bỏ những ham muốn tự nhiên để sống trọn vẹn theo các lời khuyên Phúc Âm, làm chứng cho Nước Trời là giá trị tuyệt đối và kho tàng vô giá; qua đó, chúng ta có thể góp phần “thức tỉnh thế giới” như Đức Giáo Hoàng Phanxicô kêu gọi.

Các linh mục hãy trung thành với lời thề hứa khi chịu chức, tận tụy thi hành bổn phận đã được trao phó trong khiêm tốn và cậy trông, làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô là Mục Tử nhân lành, “hiến mạng sống cho đoàn chiên” (Ga 10,15), và hăng say rao giảng Tin Mừng trong mọi hoàn cảnh.

Kết thúc thư này, chúng tôi mời anh chị em hướng lòng lên Đức Trinh Nữ Maria. Đức Mẹ được tôn vinh là Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo vì hơn ai hết, chính Mẹ đã hoàn toàn từ bỏ chính mình để quy phục Thánh ý Thiên Chúa trong suốt cuộc đời. Bằng sự từ bỏ trọn vẹn đó, Mẹ đã cộng tác tích cực với Chúa Thánh Thần để Lời Thiên Chúa không chỉ là ngôn từ nhưng đã trở thành “xác phàm và ở giữa chúng ta” (Ga 1,14). Bước vào Năm Thánh 2018, chúng ta hãy noi gương Mẹ Maria, kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu, vâng phục Thánh ý Chúa Cha, theo ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, để xứng đáng lãnh nhận những ơn lành Chúa muốn ban cho chúng ta trong Năm Thánh này.

Xin Các Thánh Tử Đạo Việt Nam dâng lời cầu nguyện và mọi việc lành của chúng ta lên Thiên Chúa, giúp chúng ta sống Năm Thánh cách tốt đẹp nhất. Ước mong anh chị em được hưởng trọn vẹn những ơn ích thiêng liêng mà Năm Thánh đem lại, biết dùng ơn Chúa ban để hăng hái phụng sự Chúa, phục vụ đồng loại, và tích cực góp phần vào việc loan báo Tin Mừng trên quê hương đất nước chúng ta.

Làm tại Tòa TGM Huế, ngày 1 tháng 5 năm 2018

Chủ tịch HĐGMVN
+ Giuse Nguyễn Chí Linh
Tổng giám mục TGP. Huế

Tổng Thư ký HĐGMVN
+ Phêrô Nguyễn Văn Khảm
Giám mục GP. Mỹ Tho

4. Kinh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam

Kính lạy các thánh Tử Đạo Việt Nam,
là con thảo của Cha trên trời,
là chứng nhân anh dũng của Đức Kitô,
là thành phần trung kiên của Hội thánh.

Nay chúng con xin hợp với các ngài
và với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a
là nữ vương các thánh Tử Đạo
mà ca tụng Chúa muôn trùng cao cả.

Xưa Chúa ban cho các ngài
được vững tin vào Lời Chúa
và đầy sức mạnh của Thánh Thần,
nên các ngài đã kiên tâm chịu gian lao đau khổ,
quyết một lòng theo Đức Kitô trên con đường thập giá
và hy sinh đến giọt máu cuối cùng.

Các ngài đã chấp nhận nên hạt lúa gieo vào lòng đất,
để Hội thánh Việt Nam
thu lượm được mùa lúa dồi dào.

Nay Hội thánh lại dâng các ngài lên Chúa
như hoa quả đầu mùa để cảm tạ tri ân.

Các ngài đã yêu mến quê hương,
xin cầu cho đất nước được an vui hạnh phúc
và góp phần xây dựng một thế giới hòa bình.

Các ngài đã cam lòng chịu chết mà không oán hận,
xin cầu cho đồng bào mọi giới
biết yêu thương và đùm bọc lẫn nhau.




Các ngài đã hy sinh tất cả vì đức tin,
xin cầu cho mọi kitô hữu
biết sống và chia sẻ niềm tin của mình.

Lạy các thánh Tử Đạo Việt Nam
là những bậc tiền nhân đã hoàn thành sứ mạng,
xin chuyển cầu cho chúng con là con cháu
được noi gương các ngài
biết đem lòng bác ái mà dấn thân phục vụ,
để một ngày kia trên thiên quốc
chúng con được hợp tiếng với các ngài
ca ngợi tạ ơn Chúa muôn đời vinh hiển. Amen.

*Imprimatur: 10.8.1988,
Phaolô Nguyễn Văn Bình, TGM. Gp. TpHCM*

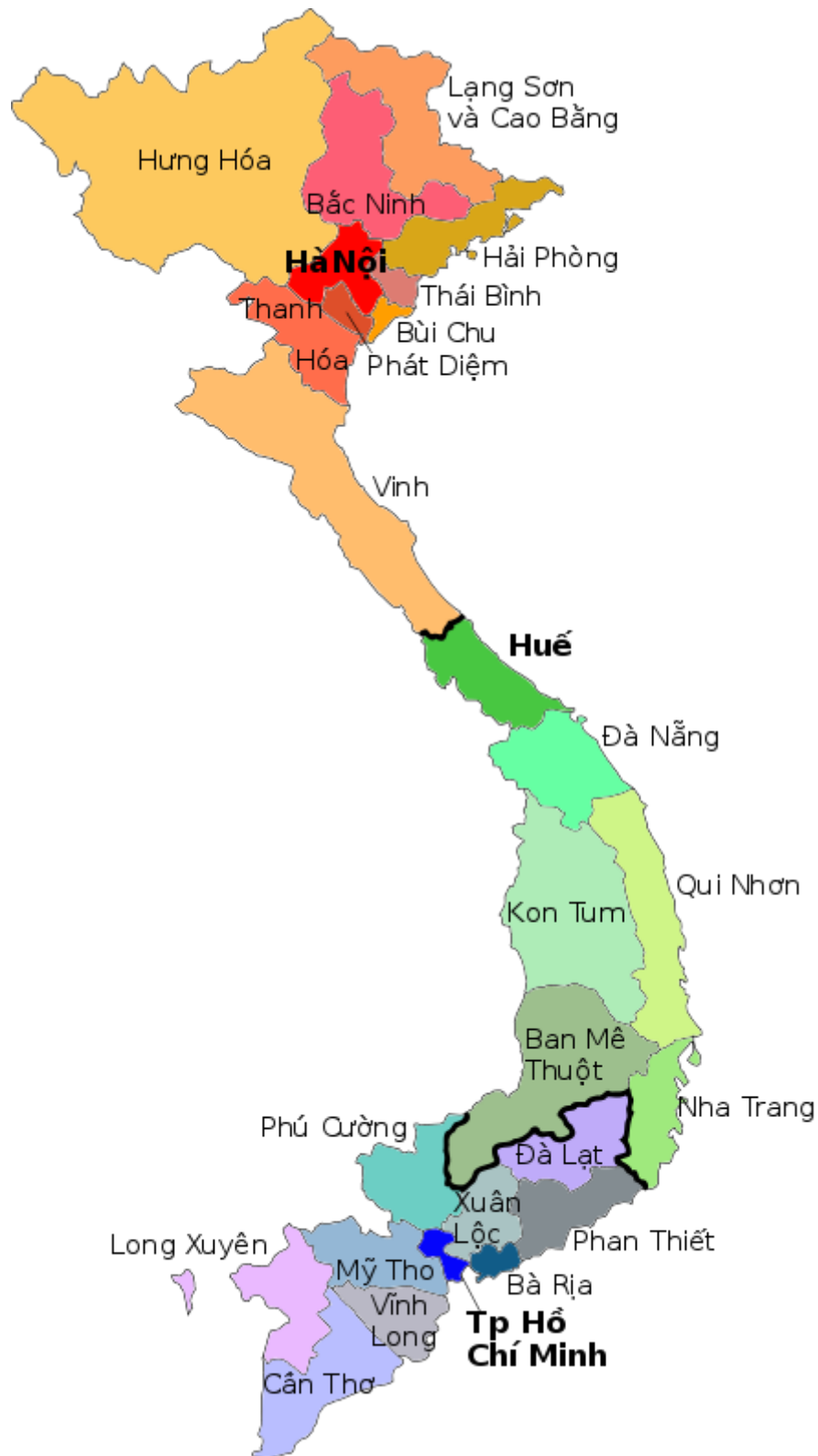
5. Các Giáo Phận Tại Việt Nam

STT	Giáo phận	Thành lập	Giám mục quản nhiệm	Nhà thờ chính tòa
1	<u>Tổng giáo phận Hà Nội</u>	1659 1960	 <u>Phêrô Nguyễn Văn Nhơn</u>  <u>Lôrensô Chu Văn Minh</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Giuse</u>
2	<u>Giáo phận Bắc Ninh</u>	1883	 <u>Cosma Hoàng Văn Đạt</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Nữ vương Rất thánh Mân Côi</u>
3	<u>Giáo phận Bùi Chu</u>	1848	 <u>Tôma Vũ Đình Hiệu</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Nữ vương Rất thánh Mân Côi</u>
4	<u>Giáo phận Hải Phòng</u>	1679	 <u>Giuse Vũ Văn Thiên</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Nữ vương Rất thánh Mân Côi</u>
5	<u>Giáo phận Hưng Hóa</u>	1895	 <u>Gioan Maria Vũ Tất</u>  <u>Alfonso Nguyễn Hữu Long</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Têrêsa Hải Đông</u>
6	<u>Giáo phận Lạng Sơn và Cao Bằng</u>	1939	 <u>Giuse Châu Ngọc Tri</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Giuse</u>
7	<u>Giáo phận Phát Diệm</u>	1901	 <u>Giuse Nguyễn Năng</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Nữ Vương Rất Thánh Mân Côi</u>
8	<u>Giáo phận Thái Bình</u>	1936	 <u>Phêrô Nguyễn Văn Đê</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu</u>
9	<u>Giáo phận Thanh Hóa</u>	1932	 <u>Giuse Nguyễn Đức Cường</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội</u>
10	<u>Giáo phận Vinh</u>	1846	 <u>Phaolô Nguyễn Thái Hợp</u>  <u>Phêrô Nguyễn Văn Viên</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Lên Trời</u>
11	<u>Tổng Giáo phận Huế</u>	1850 1960	 <u>Giuse Nguyễn Chí Linh</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Trái tim Cực sạch Đức Mẹ</u>
12	<u>Giáo phận Ban Mê Thuột</u>	1967	 <u>Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu</u>
13	<u>Giáo phận Đà Nẵng</u>	1963	 <u>Giuse Đặng Đức Ngân</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu</u>
14	<u>Giáo phận Kon Tum</u>	1932	 <u>Aloisiô Nguyễn Hùng Vi</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội</u>
15	<u>Giáo phận Nha Trang</u>	1957	 <u>Giuse Võ Đức Minh</u>	<u>Nhà thờ chính tòa Chúa Kitô Vua</u>

16	Giáo phận Qui Nhơn	1659	 Mátthêu Nguyễn Văn Khôi	Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Lên Trời
17	Tổng Giáo phận Sài Gòn	1844 1960	 Trống tòa Giám quản Tông tòa,  Giuse Đỗ Mạnh Hùng  Louis Nguyễn Anh Tuấn	Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tôi
18	Giáo phận Bà Rịa	2005	 Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn	Nhà thờ chính tòa Thánh Giacôbê và Thánh Philípphê
19	Giáo phận Cần Thơ	1955	 Stêphanô Tri Bửu Thiên	Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu
20	Giáo phận Đà Lạt	1960	 Antôn Vũ Huy Chương  Đa Minh Nguyễn Văn Mạnh	Nhà thờ chính tòa Thánh Nicôla Bari
21	Giáo phận Long Xuyên	1960	 Giuse Trần Xuân Tiếu  Giuse Trần Văn Toàn	Nhà thờ chính tòa Nữ vương Hòa Bình
22	Giáo phận Mỹ Tho	1960	 Phêrô Nguyễn Văn Khảm	Nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tôi
23	Giáo phận Phan Thiết	1975	 Trống tòa Giám quản Tông Tòa Tôma Nguyễn Văn Trâm	Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu
24	Giáo phận Phú Cường	1965	 Giuse Nguyễn Tấn Tước	Nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giêsu
25	Giáo phận Vĩnh Long	1938	 Phêrô Huỳnh Văn Hai	Nhà thờ chính tòa Thánh Anna
26	Giáo phận Xuân Lộc	1965	 Giuse Đinh Đức Đạo  Gioan Đỗ Văn Ngân	Nhà thờ chính tòa Chúa Kitô Vua

https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_ph%E1%BA%ADn_C%C3%B4ng_đ%E1%BB%87t_Nam

6. Bản đồ Các giáo phận tại Việt Nam



Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU.....	4
Phần I.....	5
NIÊN BIỂU LỊCH SỬ VN.....	5
Thời sơ sử.....	5
Thời Bắc thuộc.....	5
Thời phong kiến độc lập.....	6
LỊCH SỬ VN THỜI GIÁO HỘI BẮT ĐẦU.....	8
Các Hoàng đế nhà Lê sơ 1428 - 1527 (100 năm).....	8
Các vua nhà Mạc.....	9
Nhà Lê trung hưng.....	10
Các vua nhà Lê trung hưng.....	10
Danh sách mười một chúa Trịnh.....	12
Danh sách các đời chúa Nguyễn.....	14
Danh sách các vua nhà Tây Sơn.....	16
Các vua nhà Nguyễn.....	16
Phần II:.....	18
LỊCH SỬ GIÁO HỘI VN TRONG LÒNG DÂN TỘC.....	18
Phần III.....	70
1. Các Thánh Tử Đạo Việt Nam.....	70
2. Giáo Hội Việt Nam.....	71
3. Thư Công Bố Năm Thánh.....	78
4. Kinh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam.....	80
5. Các Giáo Phận Tại Việt Nam.....	81
6. Bản đồ Các giáo phận tại Việt Nam.....	83

Tài liệu tham khảo:

- HĐGMVN, Niên Giám 2016
- Lm Phan Phát Huồn, CssR, Việt Nam Giáo Sử
- Lm Đào Trung Hiệu, OP, Cuộc Lữ Hành Đức Tin
- Đức Ông Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, Vụ Án Phong Thánh 1987
- Phêrô Nguyễn Thanh Tùng, 265 Triều Đại Giáo Hoàng Trong Dòng Lịch Sử Giáo Hội
- Gs. Trần Văn Cảnh. Mừng Năm Thánh 2010, xem Lịch sử truyền giáo Việt Nam - <http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=>
- Những Công nghị đầu tiên của Giáo Hội Việt nam trong thế kỷ XVII - <https://antontruongthang.com/than-h%E1%BB%>
- Lm Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, Nhìn lại sứ mạng truyền giáo trong 50 năm qua và hướng đến tương lai.
- ... và Internet.

